

MỤC LỤC**Lời mở**

đầu.....1

**CHƯƠNG I : NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ**

KINH

DOANH.....2

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
trong doanh

ngiệp.....2

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và
xác định kết quả kinh

doanh.....2

1.1.2 Khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí, xác định và phân phối
kết quả kinh

doanh.....3

1.1.2.1 Một số khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh
thu.....3

1.1.2.2 Một số khái niệm về chi
phí.....6

1.1.2.3 Một số khái niệm về xác định kết quả kinh
doanh.....8

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh
doanh.....8

1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí, xác định và phân phối
kết quả kinh

doanh.....9

1.2.1 Kế toán doanh thu bán

hàng.....9

1.2.2	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.3	Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.2.4	Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	17
1.2.5	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	18
1.2.6	Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	23
1.2.7	Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	25

Chương II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN

Cư.....	27
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH AN Cư.....	27
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH AN Cư.....	27
2.1.2 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH AN Cư.....	27
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH AN Cư.....	28
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH AN Cư.....	30
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	30
2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty TNHH AN Cư.....	31

2.1.4.3	Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	31
2.1.4.4	Tổ chức hệ thống sổ kế toán	31
2.2	Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Cư	32
2.2.1	Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH An Cư	32
2.2.2	Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH An Cư	49
2.2.3	Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	53
2.2.4	Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính	60
2.2.5	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	67
2.2.6	Kế toán xác định kết quả kinh doanh	71
CHƯƠNG III : MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ		
		79
3.1	Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư	79
3.1.1	Ưu điểm	79
3.1.2	Hạn chế	80

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Cư.....	82
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	82
3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư.....	83
3.2.2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách tại Công ty TNHH An Cư.....	83
3.2.2.2 Hoàn thiện về hạch toán thuế TNDN và lợi nhuận chưa phân phối.....	93
3.2.2.4 Một số giải pháp khác.....	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98

LỜI NÓI ĐẦU

Nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường là một cơ hội tốt để các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển tạo cho nền kinh tế sự đa dạng về hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh. Mặt khác, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có những đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là thấp nhất. Do đó, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: "Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư" cho bài khóa luận của mình.

Nội dung khóa luận của em gồm 3 chương chính sau:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH AN CƯ.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là cô giáo Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh. Em xin cảm ơn sự giúp đỡ của ban lãnh đạo Công ty và tập thể nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải Phòng, ngày tháng 06 năm 2009.

Sinh viên

Trần Thị Hiền

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH****1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.****1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Sản xuất hàng hoá ra đời đánh dấu sự phát triển của nền sản xuất xã hội và đến nay nó đã phát triển đến một trình độ cao đó là nền kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường (nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng). Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng, trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Có thể nói việc tổ chức tốt quy trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch để thực hiện tốt khâu bán hàng đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tăng vòng quay vốn từ đó có tích tích lũy để tái tạo sản xuất và tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh.

Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu được các khoản doanh thu, thu nhập là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp vốn làm tăng vốn chủ sở hữu

Cùng với tiêu thụ hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết, giúp ban lãnh đạo đánh giá, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án sản

xuất kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên có liên quan.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ là nguồn lợi nhuận chính, nó là khoản chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Vì vậy việc tổ chức công tác kế toán bán hàng, kế toán xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng cho việc thu nhận, xử lý, cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp, các cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế...để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách chế độ kế toán, tài chính, chính sách thuế....

1.1.2 Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1 Một số khái niệm về doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Doanh thu** : là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu trong doanh nghiệp bao gồm :

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**: là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ, lao vụ cho khách hàng

** Điều kiện ghi nhận doanh thu:*

Theo chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì :

a. Điều kiện để ghi nhận doanh thu bán hàng:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc giao dịch bán hàng

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b. Điều kiện để ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả của phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

c. Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

d. Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

e. Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

** Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:*

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi

người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức gửi hàng qua đại lý hoặc chuyển hàng qua kho đại lý: Theo tiêu thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi cho các quầy hàng, cửa hàng... nhờ bán hộ. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn hàng bán.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp

✓ ***Doanh thu tiêu thụ nội bộ***

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:** bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền lãi bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

✓ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

❖ ***Các khoản giảm trừ doanh thu:***

Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu. Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản sau:

✓ ***Chiết khấu thương mại***

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ ***Giảm giá hàng bán***

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

✓ ***Hàng bán bị trả lại***

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

1.1.2.2 Một số khái niệm về chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

❖ **Chi phí** : Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các

hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản chi phí sau :

✓ **Chi phí sản xuất, kinh doanh:** bao gồm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí lãi tiền vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị.

- **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

- **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

✓ **Chi phí khác:** Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán

- Các khoản chi phí khác

✓ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.2.3 Một số khái niệm về xác định kết quả kinh doanh

- Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Lợi nhuận của doanh nghiệp bao gồm:

+ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định và phân phối kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- + Ghi chép, phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình bán hàng, từng chủng loại, từng địa điểm, từng phương thức bán.

- + Tính toán, phản ánh chính xác tổng giá trị thanh toán của hàng hoá bán ra bao gồm: doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm hàng, mặt hàng, của từng hoá đơn, của từng khách hàng, của từng đơn vị trực thuộc...

- + Xác định chính xác giá mua thực tế của hàng hoá đã bán ra (giá vốn), việc phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ để xác định chính xác kết quả bán hàng

- + Kiểm tra đơn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn phải trả, tình hình trả nợ của khách hàng

- + Tập hợp đầy đủ, chính xác, đầy đủ các khoản chi phí bán hàng thực tế phát sinh, phân bổ kết chuyển chi phí bán hàng cho hàng đã tiêu thụ làm căn cứ cho việc xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- + Tham mưu các biện pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay tổng vốn

- + Cung cấp các thông tin, số liệu về tình hình bán hàng cho lãnh đạo để phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh, cung cấp số liệu, tài liệu cho các ngành quản lý phục vụ cho yêu cầu quản lý chung của ngành thương mại và của nền kinh tế

1.2 Tổ chức công tác kế toán doanh thu bán hàng, chi phí, xác định và phân phối kết quả kinh doanh

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;
- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (521,531,532)
- Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp hai như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

➤ **Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu Tài khoản 512:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Bên Có:

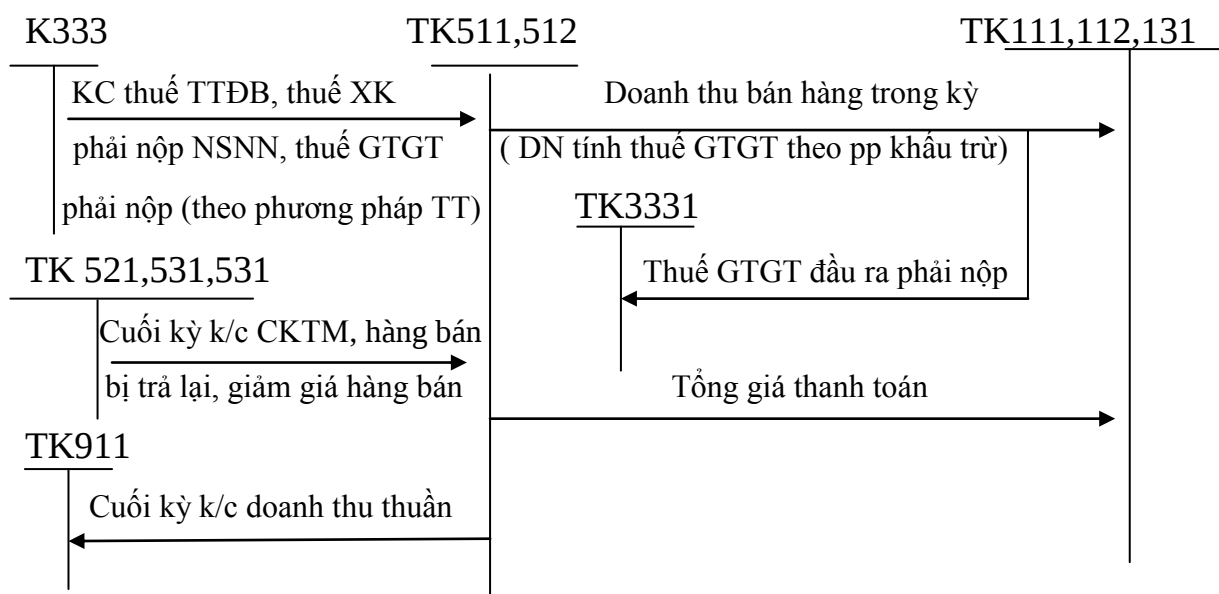
Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán. Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có ba tài khoản cấp hai:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng được khái quát qua sơ đồ 1.1

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 521 " Chiết khấu thương mại"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

Bên Nợ:

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

➤ Tài khoản 531 "Hàng bán bị trả lại"

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng".

Bên Nợ:

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 532 "Giảm giá hàng bán"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

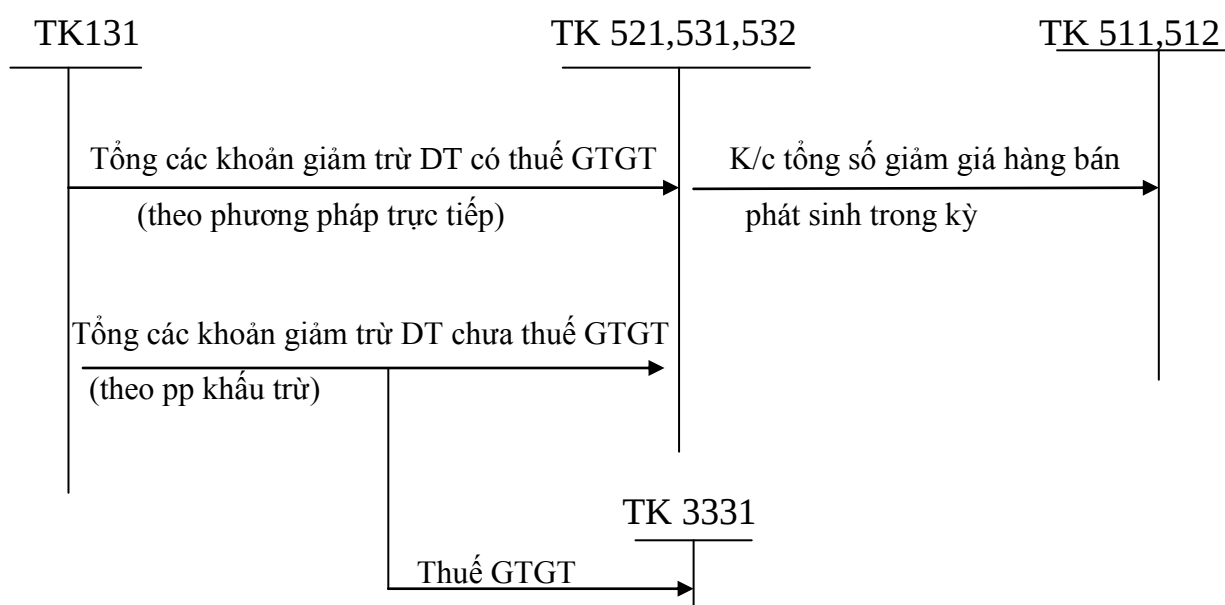
Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Quy trình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.2

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

TK 111,112



1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán"

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Bên Nợ:

- Giá vốn hàng đã bán
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Muốn xác định đúng đắn kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá

giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Theo chuẩn mực số 02 thì việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- **Phương pháp tính theo giá đích danh** : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

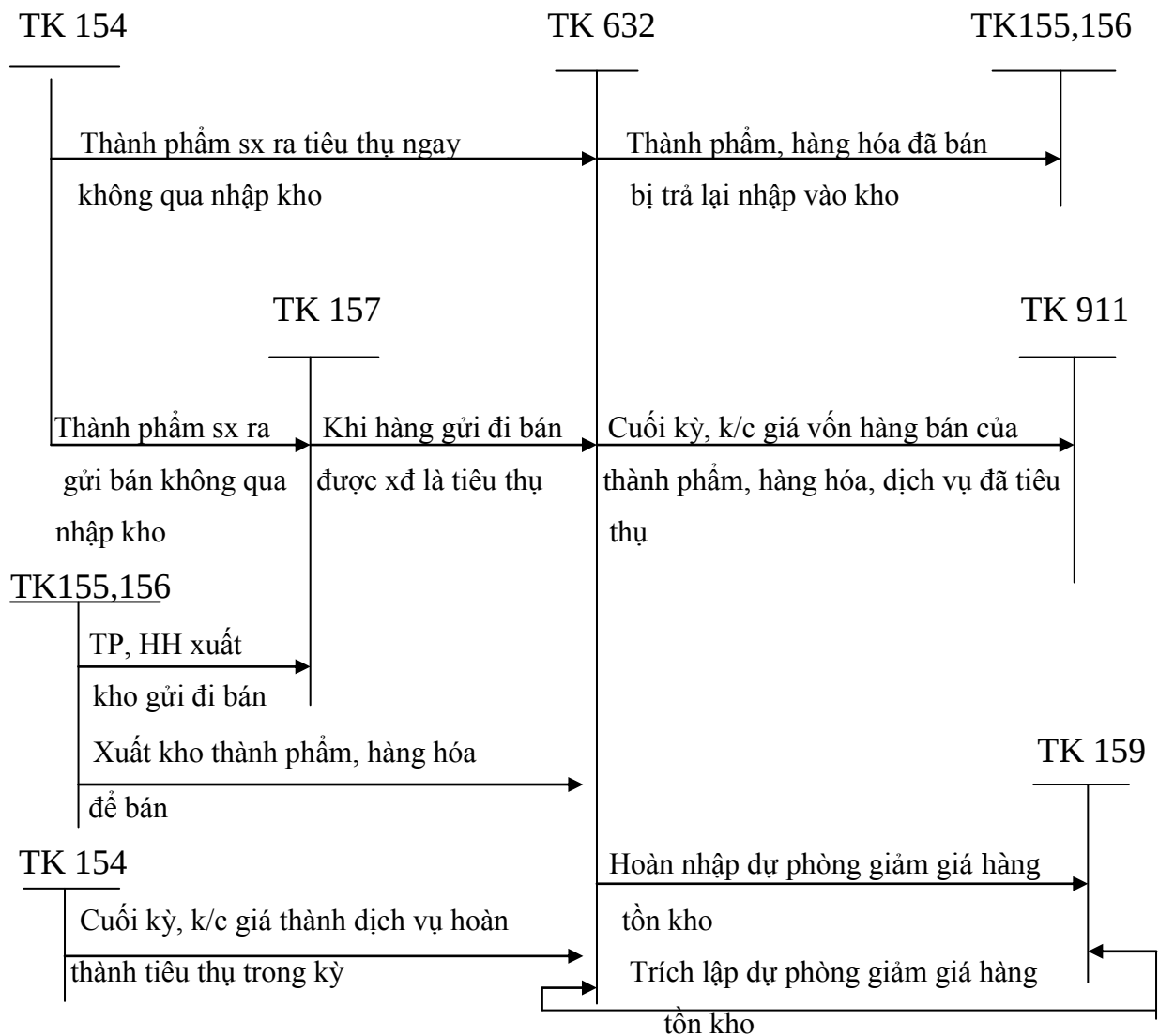
- **Theo phương pháp bình quân gia quyền** : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

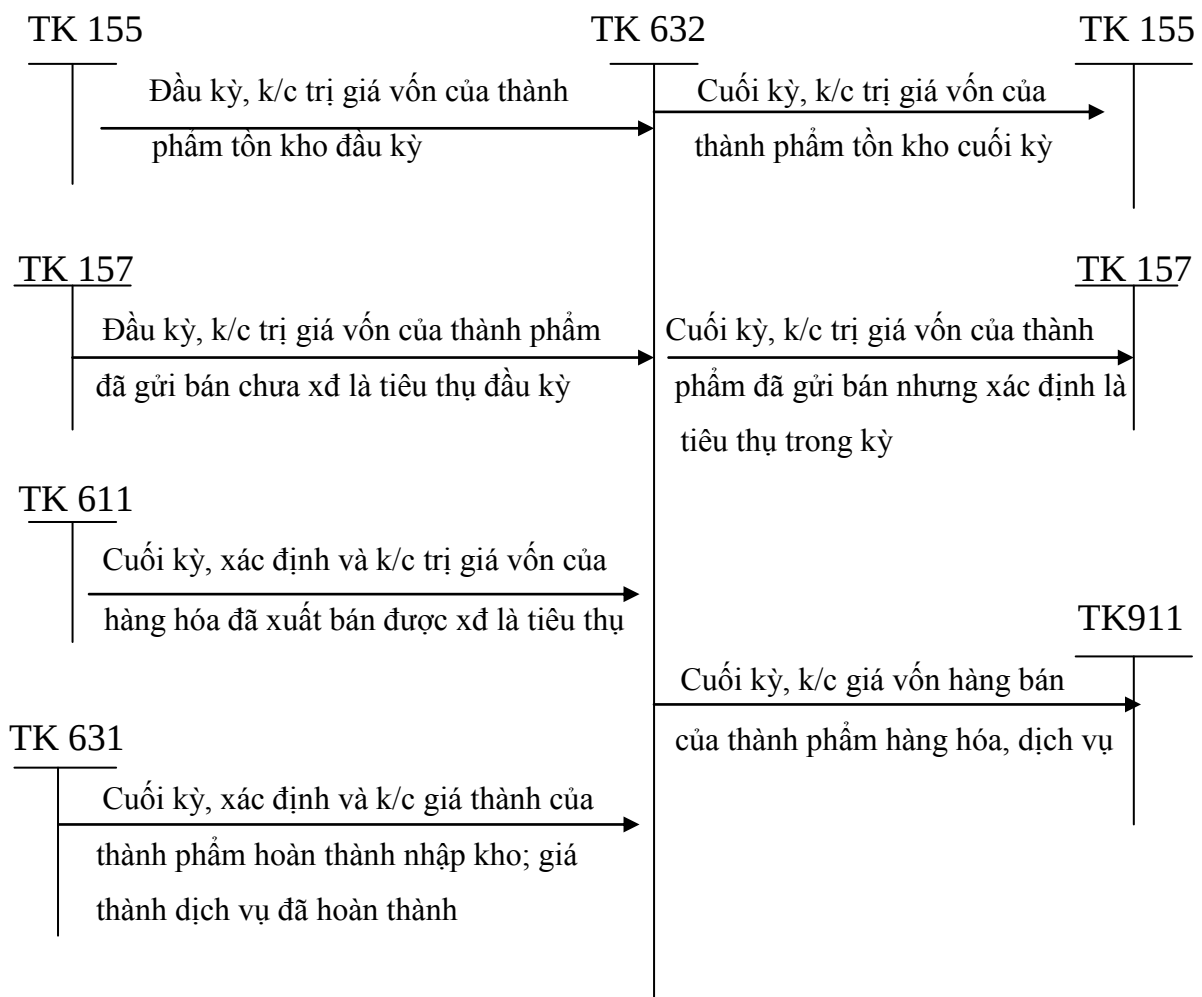
- **Phương pháp nhập trước, xuất trước**: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- **Phương pháp nhập sau, xuất trước** : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.2.3.4 Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát qua sơ đồ :

Sơ đồ 1.3: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

1.2.4.2 TK sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 641: chi phí bán hàng

➤ Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng"

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên Có:

Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Các chi phí khác bằng tiền

➤ **Tài khoản 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp":** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

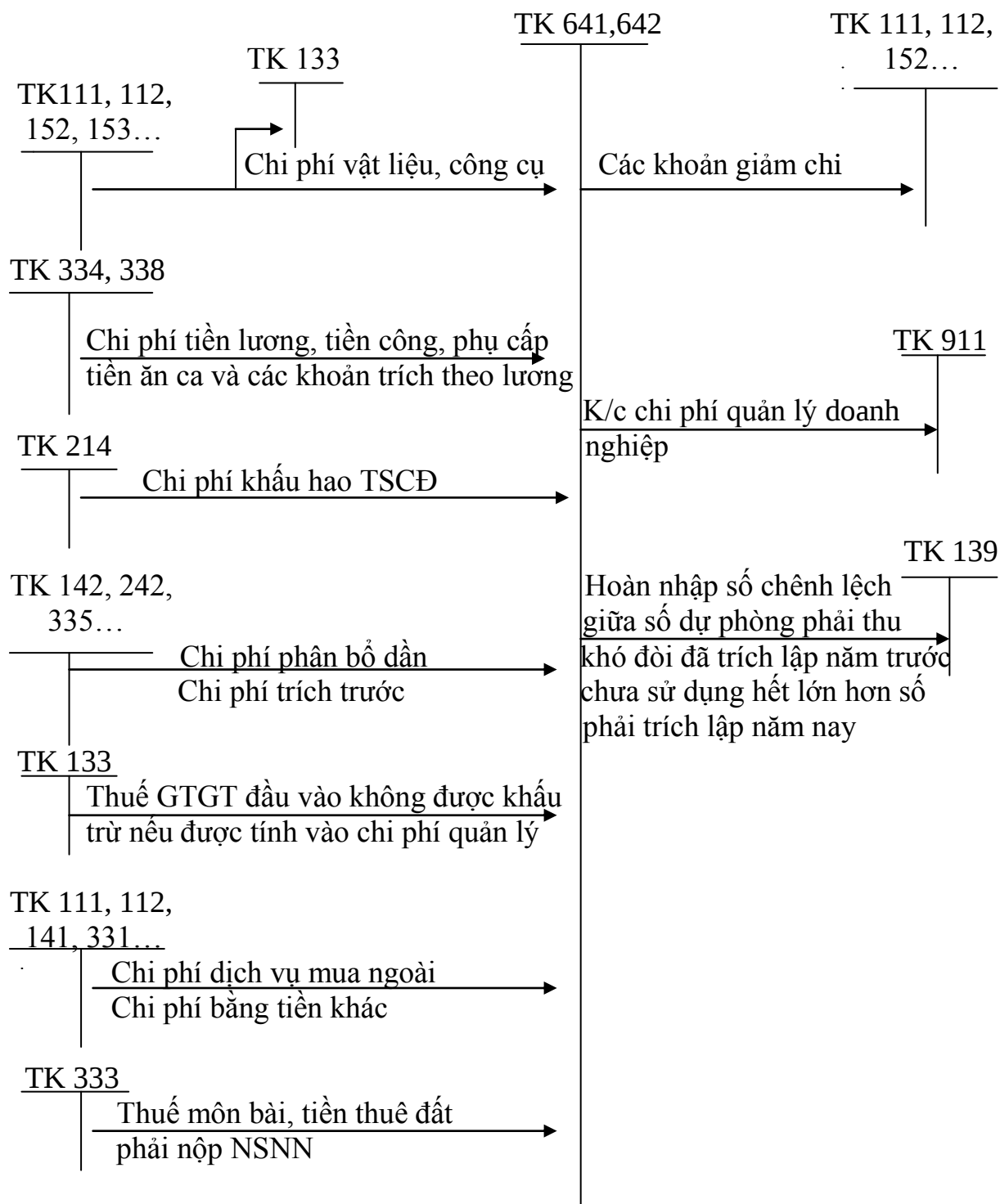
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- Tk 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tk 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền

1.2.4.3 Quy trình hạch toán

Sơ đồ 1.5: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng



1.2.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu TK

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay

vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Kết cấu TK

Bên Nợ

- + Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- + Chiết khấu thanh toán cho người mua
- + Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- + Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- + Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- + Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có

- + Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- + Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.5.3 Quy trình hạch toán hoạt động tài chính

Quy trình hạch toán hoạt động tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.7

Sơ đồ phân bổ chi phí và doanh thu liên doanh, liên kết:

- Tài khoản liên quan:** TK 111,112,242,335; TK 635; TK 129,229; TK 222,223,228; TK 121, 221; TK 413; TK 3331; TK 515; TK 111,112; TK 131,331; TK 911; TK 413; TK 121,221,222.
- Dòng chảy chi phí và doanh thu:**
 - Từ TK 111,112,242,335 đến TK 635: Trả tiền lãi vay, phân bổ lãi; mua hàng trả chậm, trả góp.
 - Từ TK 129,229 đến TK 635: Dự phòng giảm giá đầu tư.
 - Từ TK 222,223,228 đến TK 635: Lỗ về các khoản đầu tư.
 - Từ TK 121, 221 đến TK 635: Chi phí hoạt động liên doanh, liên kết.
 - Từ TK 413 đến TK 635: K/c lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ.
 - Từ TK 635 đến TK 129,229: Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư.
 - Từ TK 635 đến TK 911: Cuối kỳ k/c chi phí tài chính.
 - Từ TK 3331 đến TK 515: K/c thuế GTGT (đơn vị tính thuế theo pp TT).
 - Từ TK 515 đến TK 111,112: Lãi chứng khoán, lãi bán ngoại tệ thu nhập hoạt động tài chính.
 - Từ TK 515 đến TK 131,331: K/c chênh lệch tỷ giá hoạt động tài chính và đánh giá lại cuối kỳ.
 - Từ TK 515 đến TK 121,221,222: Cổ tức và lợi nhuận được chia bổ sung góp vốn liên doanh.
 - Từ TK 911 đến TK 515: Cuối kỳ k/c doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.6 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá lại tài sản
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu....

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 711 "Thu nhập khác"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 811 "Chi phí khác"

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 811

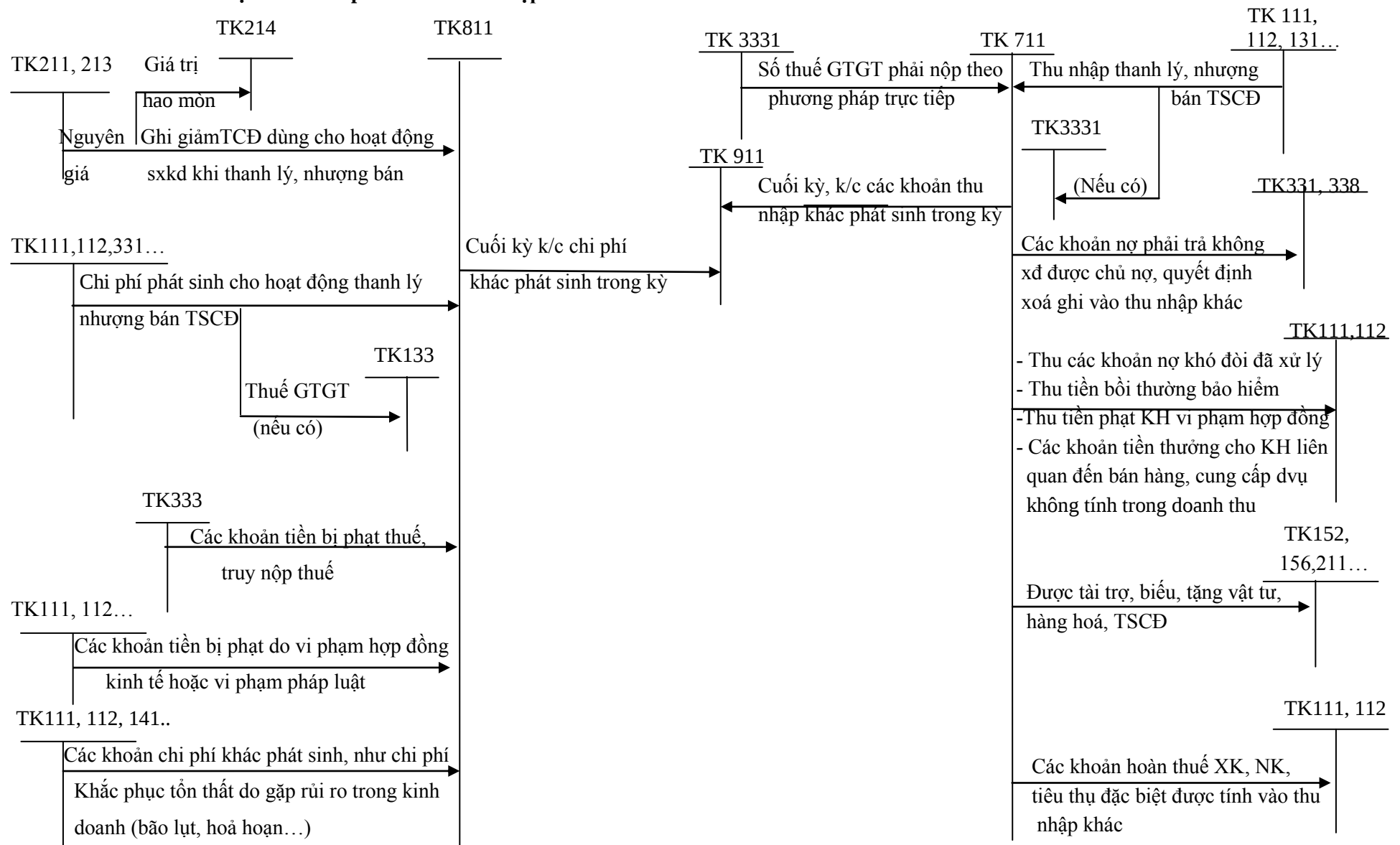
Bên Nợ:

Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có :

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.3 Quy trình hạch toán chi phí khác và thu nhập khác

Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác

1.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh**1.2.7.1 Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán kết chuyển

1.2.7.2 Tài khoản sử dụng**Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

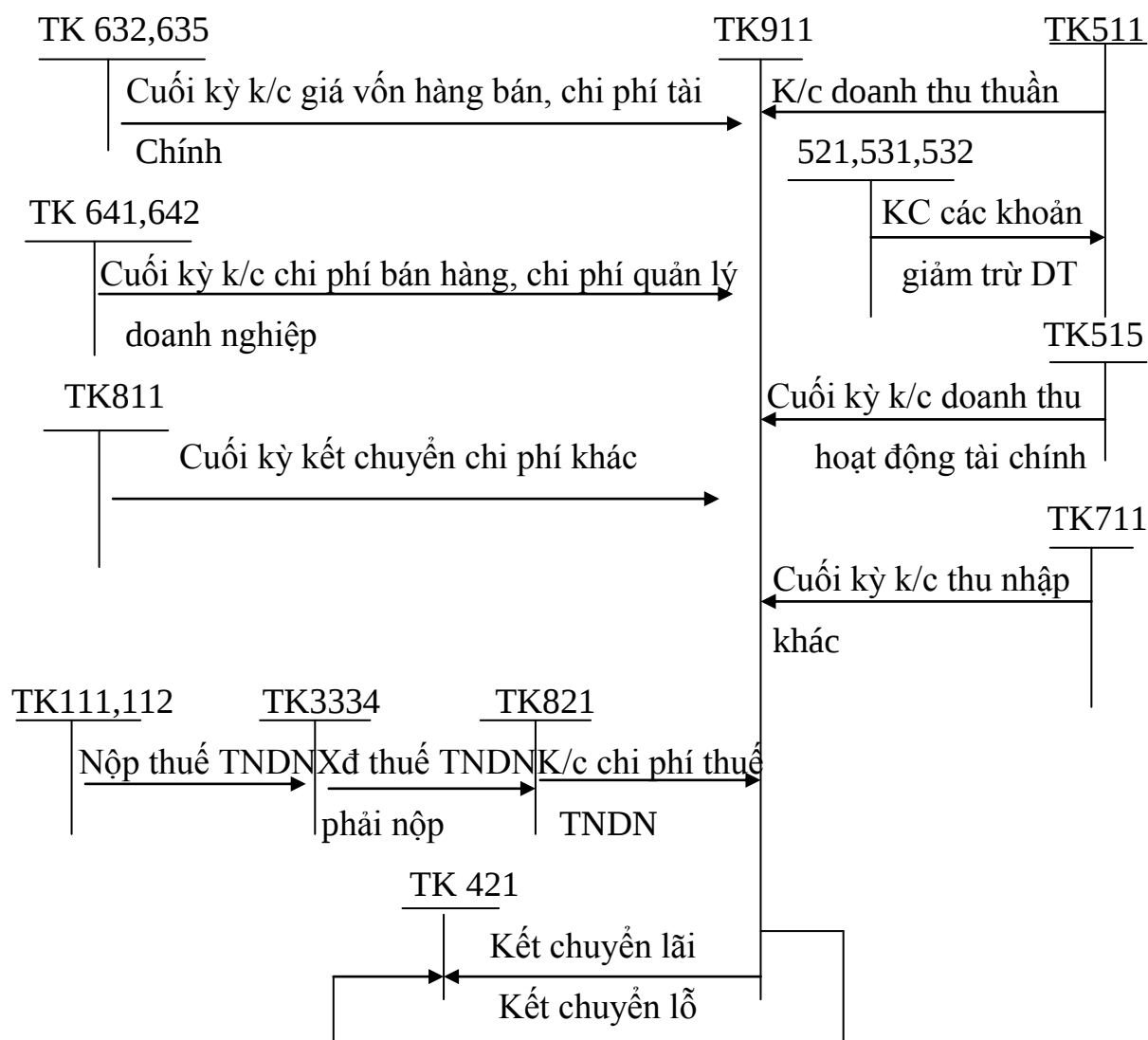
Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các TK có liên quan khác như: TK 111, 112, 333, 421, 414, 415, 431, 511, ...

1.2.6.3 Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh (sơ đồ 1.10)

Sơ đồ 1.10 : Hạch toán kết quả kinh doanh

Chương II**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ.****2.1 Khái quát chung về công ty TNHH AN CƯ**

- Tên công ty : Công ty TNHH AN CƯ
- Địa chỉ trụ sở chính: 143 đường Quán Trữ - Kiến An-Hải Phòng
- Số điện thoại : 031.3778369
- Số Fax : 031.3778370
- Tài khoản : 10920217542.014 NH Techcombank Hải phòng
- Mã số thuế : 0200638181
- Số đăng ký kinh doanh: 0202002708

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH An Cư

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thì sự ngành xây dựng cũng ngày càng phát triển, nhất là xây dựng các khu nhà cao tầng và nhà chung cư. Để góp phần cho ngôi nhà thêm đẹp và sang trọng thì yếu tố không thể thiếu đó chính là nội, ngoại thất. Đứng trước nhu cầu đó thì Công ty trách nhiệm hữu hạn An Cư đã ra đời.

Công ty TNHH An Cư được thành lập vào ngày 27 tháng 05 năm 2005. Với số vốn ban đầu doanh nghiệp đã sản xuất các sản phẩm đem lại doanh thu lớn cho công ty và quy mô sản xuất ngày càng lớn bằng việc công ty mua thêm các dây chuyền sản xuất công nghệ cao với đội ngũ kỹ sư và công nhân có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ của các công trình khách sạn, hội trường, văn phòng.

2.1.2 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH An Cư

Công ty TNHH An Cư là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, tiến hành hoạt động kinh doanh nhằm đem lại lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp, đồng thời góp phần vào sự tăng trưởng, phát triển kinh tế của đất nước. Ngành nghề kinh doanh của công ty rất phong phú:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, trang trí nội ngoại thất
- Kinh doanh lâm sản, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội ngoại thất

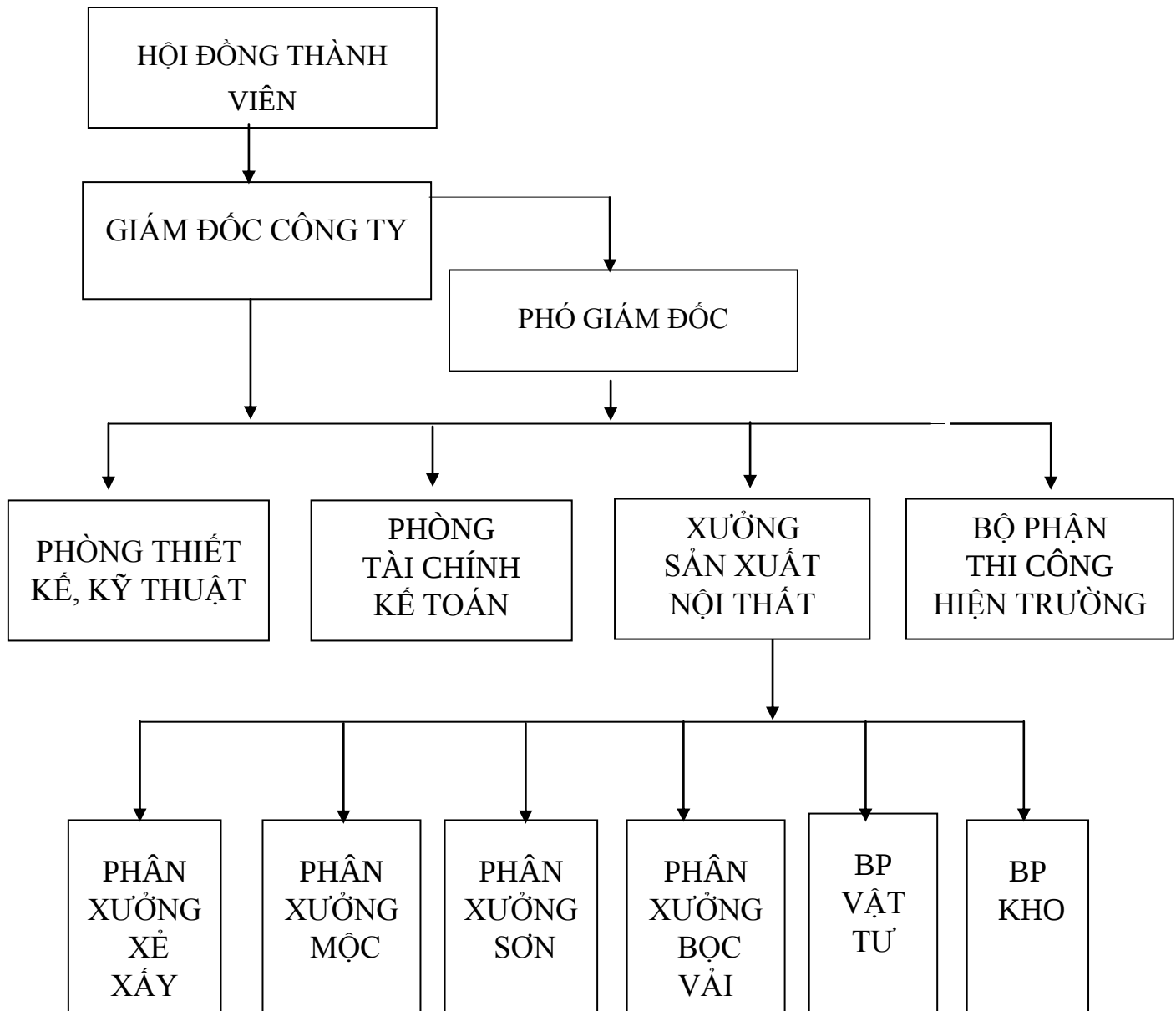
- Sản xuất và gia công các sản phẩm từ gỗ như: tủ, giường, bàn, ghế...

Trong số các ngành nghề trên thì hoạt động trang trí nội - ngoại thất chiếm 60% tổng doanh thu của công ty .

2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH An Cư

Để hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi công ty phải tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty nhằm giảm thiểu chi phí, góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng tốt hơn. Công ty có bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến - chức năng

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty



***Chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa các phòng ban, bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý công ty**

- Giám đốc: Giám đốc công ty do hội đồng thành viên bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm cao nhất trước hội đồng quản trị, trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty.

- Phó giám đốc: giúp giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất của công ty, quản lý và theo dõi hoạt động các bộ phận trong công ty

- Các phòng ban: mỗi phòng ban có chức năng nhiệm vụ riêng rõ ràng, tuy nhiên đều có nhiệm vụ chung là tham mưu giúp giám đốc, phó giám đốc điều hành hoạt động công ty có hiệu quả, cụ thể:

+ Phòng thiết kế, kỹ thuật: có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch kỹ thuật, quản lý kỹ thuật, xây dựng các định mức tiêu chuẩn kỹ thuật

+ Phòng tài chính kế toán: giúp giám đốc trong công tác quản lý tài chính của công ty thực hiện đúng theo chế độ chính sách của pháp lệnh kế toán thống kê. Nhiệm vụ của phòng tài chính kế toán :

- Theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

- Hạch toán tài chính năm , quý, tháng trình lên các cơ quan có liên quan

- Hàng tháng báo cáo chi tiết thu, chi, tồn quỹ trước hội đồng quản trị của công ty

- Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về mọi hoạt động liên quan đến tài chính của công ty

- Đề xuất, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các bộ phận hoạt động trong công ty. Thực hiện đúng chính sách của nhà nước về pháp lệnh thống kê, các quy định của công ty về việc quản lý tài chính

- Xây dựng các biểu mẫu, các định mức trong sản xuất kinh doanh, các chi phí khác của công ty nhằm tiết kiệm mang lại hiệu quả cao ...

+ Bộ phận thi công hiện trường: triển khai xây dựng theo thiết kế của phòng kỹ thuật, thi công theo yêu cầu đề ra của hợp đồng

+ Xưởng sản xuất nội thất: bao gồm các phân xưởng để chế biến, sản xuất ra sản phẩm phục vụ yêu cầu đề ra

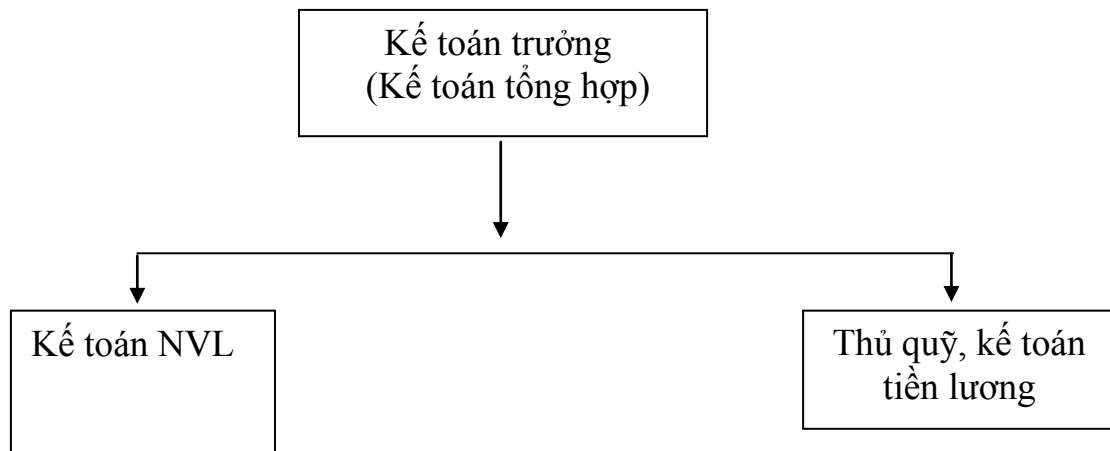
2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH An Cư

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Phòng kế toán là trung tâm cung cấp các thông tin về sự vận động của tài sản, các thông tin về hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty cũng như hiệu quả của việc sử dụng vốn. Đây là những căn cứ giúp ban lãnh đạo công ty đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung theo sơ đồ 2.2

Sơ đồ 2.2 : Bộ máy kế toán của Công ty An Cư



+ Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng kế toán: chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán và chịu trách nhiệm chung về toàn bộ công tác tài chính của công ty. Đồng thời là kế toán tổng hợp, kế toán tập hợp chi phí sản xuất phân bổ cho từng đối tượng sử dụng, tính giá thành cho từng loại sản phẩm căn cứ theo hợp đồng kinh tế... Kế toán trưởng có nhiệm vụ theo dõi sổ cái, báo cáo thống kê, báo cáo quyết toán, phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tính toán các khoản nộp ngân sách.

+ Kế toán nguyên vật liệu: có nhiệm vụ theo dõi việc nhập, xuất, tồn kho các loại vật liệu, công cụ dụng cụ. Lập bảng phân tích vật tư sử dụng cho từng loại công trình, quyết toán sử dụng vật tư, theo dõi số lượng thành phẩm, bán thành phẩm nhập, xuất, tồn kho

+ Thủ quỹ kiêm kế toán tiền lương: Chịu trách nhiệm về quản lý tiền mặt tại quỹ. Thường xuyên theo dõi việc nhập, xuất, tồn quỹ tiền mặt, phân tích việc thu

chi tiền mặt hàng ngày theo từng khoản. Đồng thời theo dõi, tổng hợp thanh toán lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại Công ty TNHH An Cư

Công ty TNHH An Cư chứng từ kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

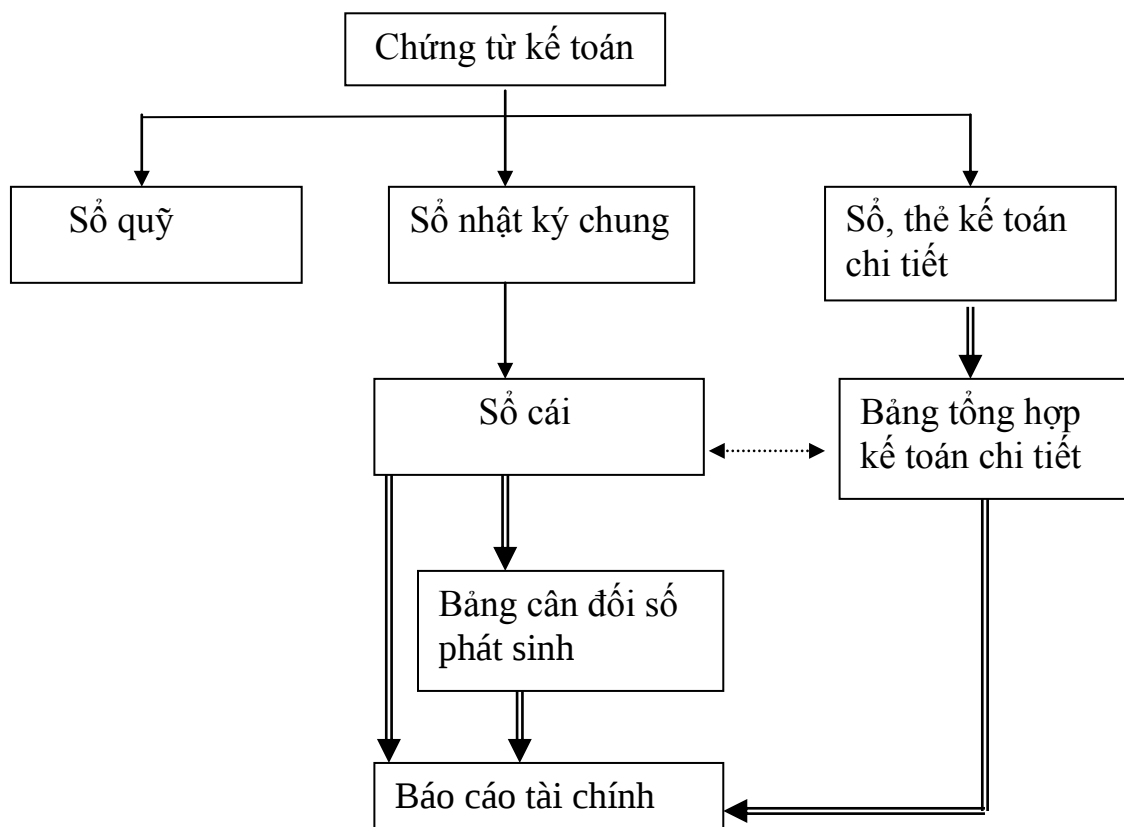
Công ty TNHH An Cư tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty TNHH An Cư tổ chức và vận dụng hệ thống sổ kế toán theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý và tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi Công ty TNHH An Cư áp dụng hình thức kế toán “ Nhật ký chung ” cho phù hợp với mô hình sản xuất kinh doanh.

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH AN CƯ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	→
Ghi cuối tháng, hoặc ghi định kỳ	⇒
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	↔

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ kế toán, ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết. Sau đó căn cứ vào đó để ghi vào sổ cái và sổ tổng hợp kế toán chi tiết theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính

2.2 Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Cư

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH An Cư

2.2.1.1 Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại công ty

- Tiêu thụ là giai đoạn tiếp theo của quá trình sản xuất, là cầu nối giữa sản xuất – phân phối– tiêu dùng sản phẩm. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ với sự tồn tại và phát triển của mình, công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Sản phẩm công ty sản xuất xong được xuất thẳng cho công trình không nhập kho nên công ty không sử dụng TK 155

- Về khối lượng thành phẩm xuất bán: được thỏa thuận chi tiết với khách hàng khi ký kết hợp đồng kinh tế, làm căn cứ để lên kế hoạch sản xuất, đảm bảo đúng đủ theo hợp đồng.

- Về giá bán sản phẩm: được ghi trên bảng giá do công ty đưa ra, được khách hàng chấp nhận theo thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế. Giá các sản phẩm này tương đối ổn định, vừa đáp ứng khả năng thanh toán của mọi khách hàng, vừa đảm bảo tính cạnh tranh với các đơn vị khác.

- Về phương thức thanh toán: chủ yếu thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng. Để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng, công ty cho thanh toán chậm trong thời gian nhất định đã được thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế.

2.2.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 511 được chi tiết thành 2 tiểu khoản:

- + TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

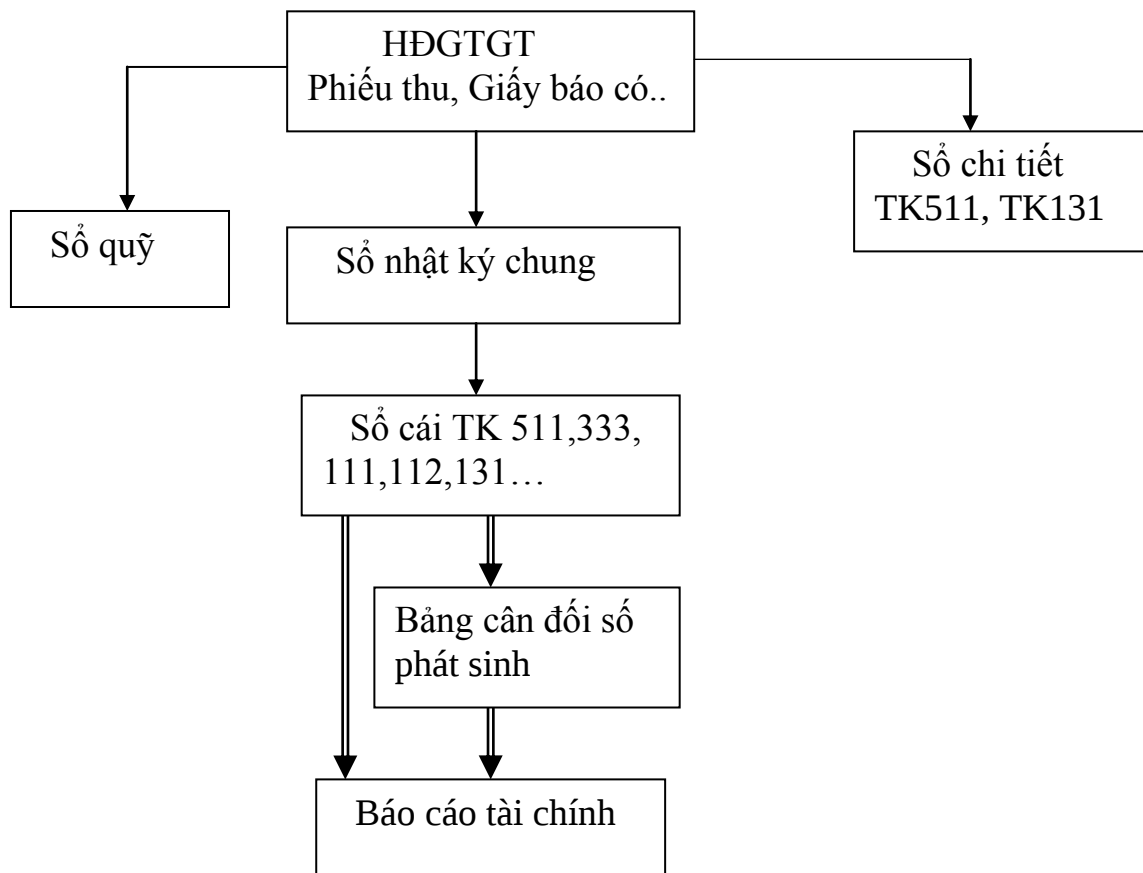
Ngoài ra có các TK liên quan: TK 131, 3331, 111, 112...

2.2.1.4 Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty

Trước tiên phải có hợp đồng kinh tế đã được ký kết, kế toán phải kiểm tra xem số lượng, chủng loại thành phẩm có đúng quy định ghi trong hợp đồng hay không. Từ đó kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT về bán thành phẩm (gồm 3 liên)

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái TK 511, TK 131 TK 111... và các sổ khác có liên quan.

Cuối năm kế toán thực hiện khóa sổ để lập Bảng cân đối số phát sinh, căn cứ vào Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại Công ty TNHH An Cư

2.2.1.5 Ví dụ : Ngày 14 tháng 6 năm 2008 Công ty ký hợp đồng kinh tế với Doanh nghiệp tư nhân KS Thành Long (biểu số 2.1)

Ngày 20 tháng 6 năm 2008 Doanh nghiệp tư nhân Khách sạn Thành Long tạm ứng số tiền 50.000.000 theo hợp đồng kinh tế số 19 kế toán viết phiếu thu số 36 (biểu số 2.2)

Ngày 3 tháng 11 năm 2008 công ty xuất cửa, khuôn bao thi công công trình Khách sạn Thành Long, kế toán viết hóa đơn số 08045 (biểu số 2.3)

- Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC (biểu số 2.4) sổ chi tiết bán hàng (biểu số 2.5), đồng thời ghi vào sổ cái 511 (biểu số 2.6), Sổ cái TK 333 (biểu số 2.7), Sổ cái TK131(Biểu số 2.10),

- Kế toán căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành theo dõi các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết 131 (biểu số 2.8). Cuối năm căn cứ vào sổ chi tiết kế toán lập sổ tổng hợp phải thu của khách hàng (Biểu số 2.9)

- Kế toán căn cứ vào các chứng từ để vào Sổ quỹ tiền mặt (biểu số 2.11) và Sổ cái TK 111 (biểu số 2.12)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

SỐ : 19/HĐKT

- Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam ban hành ngày 25/ 9 /1984

- Căn cứ Nghị định 17/ HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành ngày 16/ 01/1990, quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

- Căn cứ khả năng và sự thoả thuận giữa hai bên.

Hôm nay ngày 14 tháng 06 năm 2008, chúng tôi gồm :

I - BÊN A : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN KHÁCH SẠN THÀNH LONG

Địa chỉ : 54 Phạm Hồng Thái – p.Bến Thành, Q.1 – TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08.8233784 - 0908130269 Fax: 08.8233738

Mã số thuế : 0302089533

Tài khoản : 020421100901046899 tại ngân hàng SacomBank

Đại diện : ông **Dịch Hữu Thành** Chức vụ : Giám đốc

II - BÊN B : CÔNG TY TNHH AN CƯ

Địa chỉ : 143 Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng

Điện thoại : 031.778 369 - Fax: 031.778 370

Tài khoản : 10920217542.014 tại ngân hàng TechcomBank Hải Phòng

Mã số thuế : 0200 638181

Đại diện : Nguyễn Văn Trung. Chức vụ : Giám đốc

Hai bên cùng nhau thoả thuận ký kết đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều I : Nội dung hợp đồng

- Bên A giao cho bên B gia công và lắp đặt cửa WC bằng gỗ Cẩm xe Indonesia tại Công ty TNHH Thành Long Tân, tại địa chỉ 54 Phạm Hồng Thái – p.Bến Thành, Q.1 – TP. Hồ Chí Minh.

- Quy cách, khối lượng, đơn giá sản phẩm được bên A chấp thuận như sau:

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khuôn cửa lắp ghép 110 x 50 kt : $(2,0 \times 2 + 0,745) \times 27$ bộ	md	128,0	165.000	21.120.000
2	Cánh cửa Pano chớp	M ²	35,2	950.000	33.440.000
3	Phào khuôn bao 2 mặt 14x50	M ²	256,0	30.000	7.680.000
Cộng :					62.240.000
Thuế VAT 10%:					6.224.000
Tổng thanh toán:					68.464.000

(Bằng chữ : Sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn.)

*** Ghi chú :**

- Đơn giá chưa bao gồm chốt, khoá cửa
- Tiêu chuẩn kỹ thuật:
 - + Cửa được sản xuất bằng gỗ Beech, gỗ Bằng Lăng màu sáng.
 - + Sai số của sản phẩm ± 2 mm
 - + Sơn phủ bằng sơn PU loại tốt
 - + Thiết kế kèm theo là một bộ phận của hợp đồng.

Điều II : Tiến độ thực hiện

- Thời gian thực hiện hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều III : Trách nhiệm của hai bên

1. Đối với bên A

- Cử cán bộ kiểm tra, giám sát và nghiệm thu.
- Trường hợp bên A có nhu cầu thay đổi về số lượng, chủng loại phải báo cáo trước cho bên B bằng văn bản ít nhất 15 ngày và phải chịu hoàn toàn phí tổn đối với những vật tư, sản phẩm mà bên B đã gia công.
- Chuẩn bị kinh phí để tạm ứng và thanh toán cho bên B theo các giai đoạn mà hai bên thống nhất.

2. Đối với bên B

- Gia công và lắp đặt sản phẩm theo đúng chủng loại gỗ, tiêu chuẩn kỹ thuật và thiết kế đã được bên A chấp thuận.

- Thực hiện đúng tiến độ hợp đồng.

Điều IV : Giá trị hợp đồng và điều kiện thanh toán

- Giá trị hợp đồng : **68.464.000** đồng

(Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu bốn nghìn đồng chẵn.)

Giá trị trên là tạm tính, giá trị quyết toán sẽ căn cứ vào khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu bởi 2 bên A và B.

* Điều kiện thanh toán: Chia làm 2 lần:

- Lần 1 : Bên A tạm ứng cho bên B số tiền bằng 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

- Lần 2 : Bên A sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho bên B sau khi sản phẩm được nghiệm thu và quyết toán công trình.

Điều V : Bảo hành sản phẩm

Bên B có trách nhiệm bảo hành sản phẩm trong thời gian 12 tháng

Điều VI : Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc những điều khoản trong hợp đồng. Nếu có phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động thương lượng giải quyết với nỗ lực cao nhất. Trong trường hợp tranh chấp mà không cùng nhau giải quyết được thì hai bên thống nhất giải quyết tại toà án kinh tế

Hợp đồng này gồm 03 trang, lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 2 bản.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 06 năm 2008

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Biểu số 2.3

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu <i>Ngày 3 tháng 11 năm 2008</i>	Mẫu số: 01GTKT- 3LL MD/2007B 0008045				
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH An Cư Địa chỉ: 143 Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng Số tài khoản: 10920217542.014 Điện thoại: 0313778369 MS:0200638181					
Họ tên người mua hàng: Dịch Hữu Thành Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Khách sạn Thành Long Địa chỉ : 54 Phạm Hồng Thái – p.Bến Thành, Q1 – TP. Hồ Chí Minh Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt MS : 03 02089533					
STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Khuôn cửa lắp ghép 110x50 KT (2,0x2 + 0,745) x 27bộ	md	128	165.000	21.120.000
2	Cánh cửa pano chớp KT 1,96 x 0,665 x 27 bộ	M2	35,2	950.000	33.440.000
3	Khuôn bao 2 mặt 14 x 50	md	256	30.000	7.680.000
Cộng tiền hàng:					62.240.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					6.224.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					68.464.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Sáu mươi tám triệu, bốn trăm sáu tư nghìn đồng.</i> Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.2

Đơn vị: Công ty TNHH An Cư

Quyển số:

Bộ phận:

Số : 36

Nợ TK 111: 50.000.000

Có TK 131: 50.000.000

PHIẾUTHU*Ngày 20 tháng 6 năm 2008*

Họ, tên người nộp tiền: Dịch Hữu Thành

Địa chỉ: Doanh nghiệp tư nhân Khách sạn Thành Long

Lý do nộp: Tạm ứng

Số tiền: 50.000.000 (Viết bằng chữ): Năm mươi triệu đồng chẵn.

Kèm theo :..... Chứng từ kế toán:

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4

Công ty TNHH An Cư

143 Quán trũ - KA

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
.....							
20/6	PT36	20/6	DNTN Thành Long tạm ứng tiền	111	131TL	50.000.000	50.000.000
25/6	HĐ 8032	25/6	Bàn giao khối lượng cửa gỗ	131HT	511	176.233.300	176.233.300
25/6	HĐ 8032	25/6	Thuế GTGT bán ra	131HT	3331	17.623.330	17.623.330
.....							
3/11	HĐ8045	3/11	Giao cửa DNTN Thành Long	131TL	511	62.240.000	62.240.000
3/11	HĐ8045	3/11	Thuế GTGT bán ra	131TL	3331	6.224.000	6.224.000
.....							
31/12	PKT76	31/12	Kết chuyển TK 511	511	911	9.841.538.741	9.841.538.741
.....							
			Tổng cộng			82.308.519.699	82.308.519.699

(Trích số liệu từ sổ Nhật ký chung năm 2008

Biểu số 2.5**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

TK: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm: 2008

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	ĐVT	Doanh thu			Thuế (3331)
	SH	NT			SL	ĐG	TT	
....				...	...			
3/11	HĐ0805	3/11	DNTN Khách sạn Thành Long					
			Khuôn cửa lắp ghép 110x50	md	128	165.000	21.120.000	2.120.000
			Cánh cửa pano chớp KT 1,96 x 0,665 x 27 bộ	M2	35,2	950.000	33.440.000	3.344.000
			Khuôn bao 2 mặt 14x 50	md	256	30.000	7.680.000	768.000
....								
			Tổng cộng				9.481.538.741	948.153.874

Biểu số 2.6

Công ty TNHH An Cư

143 Quán Trữ - KA - HP

SỔ CÁI

Tài khoản: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
....						
3/11	HĐ 8045	3/11	Giao cửa cho DNTN Thành Long	131TL		62.240.000
10/11	HĐ 8046	10/11	Giao hàng Công ty Thành Long Tân	131TLT		22.000.000
....						
23/12	PT075	23/12	Vách trang trí gỗ - kính	111		22.120.000
26/12	HĐ29555	26/12	Quyết toán ốp đá c.tr Yên Tử	131YT		273.454.545
26/12	HĐ29556	26/12	Quyết toán ốp đá c.tr KS Hải Âu	131HÂ		900.000.000
31/12	PKT76	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	9.481.538.741	
			Cộng phát sinh		9.481.538.741	9.481.538.741

Biểu số 2.7

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

SỔ CÁI

Tài khoản: 333

Tên TK: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
Năm 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			26.067.071
....						
31/10	PC212	31/10	Nộp thuế TNDN tạm tính quý 3	111	3.080.000	
3/11	HĐ 8045	3/11	Thuế GTGT đầu ra	131TL		6.224.000
10/11	HĐ 8046	10/11	Thuế GTGT đầu ra	131TLT		2.200.000
....						
23/12	PT075	23/12	Thuế GTGT đầu ra	111		2.212.000
26/12	HĐ29555	26/12	Thuế GTGT đầu ra	131YT		27.345.455
....						
			Cộng phát sinh		995.365.622	948.290.874
			Số dư cuối kỳ		21.007.677	

(Trích số liệu từ Sổ cái TK 333 năm 2008)

Biểu số 2.8

Công ty TNHH An CƯ

143Quán Trữ - KA - HP

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131TL

Đối tượng: Doanh Nghiệp Tư nhân Khách Sạn Thành Long

Năm 2008

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	G	1	2
			Số dư đầu năm		-	
20/6	PT36	20/6	Thu tiền ứng trước	111		50.000.000
3/11	08045	3/11	Giao cửa cho KS Thành Long	511	62.240.000	
			Thuế GTGT đầu ra	3331	6.224.000	
			Cộng phát sinh		68.464.000	50.000.000
			Số dư cuối năm		18.464.000	

Biểu số 2.9

Công ty TNHH An CƯ
143 Quán Trữ - KA - HP

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu khách hàng

Năm 2008

ST T	Tên khách hàng	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP chế biến Lâm sản QN		125.784.104	568.429.299	400.000.000	42.645.195	
2	Công ty CP du lịch Tùng Lâm		537.616.000	1.059.267.250	350.000.000	171.651.250	
3	DN tư nhân Khách sạn Thành Long			68.464.000	50.000.000	18.464.000	
4	Công ty TNHH TB điện Ngũ Phúc		699.995.6000	1.967.240.000	750.000.000	517.244.400	
5	XN cơ khí xây dựng Thăng Long	460.818.400		320.000.000	635.000.000	145.818.400	
6	Công ty CP Hàng Kênh			16.818.739	16.818.739		
7	Công ty CP & TM Constrexim		50.000.000	121.785.070	71.785.070		
8	Công ty CP Du lịch Quốc tế Hòn Dấu	30.000.000		-	25.000.000	5.000.000	
...							
	Tổng	1.744.195.159	1.436.395.704	9.532.256.488	8.550.768.717	2.494.708.826	1.205.421.600

Biểu số 2.10

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

SỔ CÁI

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu của khách hàng

Năm 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		1.744.195.159	1.436.395.704
....						
20/6	PT36	20/6	DNTN Thành Long tạm ứng tiền	111		50.000.000
25/6	HĐ8032	25/6	Bàn giao khối lượng cửa gỗ	511	176.233.300	
25/6	HĐ8032	25/6	Thuế GTGT bán ra	3331	17.623.330	
....						
3/11	HĐ8045	3/11	Giao cửa DNTN Thành Long	511	62.240.000	
3/11	HĐ8045	3/11	Thuế GTGT bán ra	3331	6.224.000	
4/11	SP122	4/11	XN Cơ khí XD Thăng Long trả tiền cửa gỗ	112		150.000.000
....						
			Cộng phát sinh		9.532.256.488	8.550.768.717
			Số dư cuối năm		2.494.708.826	1.205.421.600

(Trích số liệu từ Sổ cái TK 131 năm 2008)

Biểu số 2.11

Công ty TNHH An Cư

143 Quán Trữ - KA - HP

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2008

Chứng từ			Nội dung	Số tiền		
Ngày	Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
			Số dư đầu năm			10.140.708
....						
20/6	PT36	20/6	DNTN Thành Long tạm ứng tiền	50.000.000		1.451.739.502
....						
18/12	PC317	18/12	Thanh toán cước di động Viettel		113.575	1.481.985.927
18/12	PC317	18/12	Thuế GTGT mua vào		11.358	1.481.974.569
18/12	PC318	18/12	Mua màng xốp gói hàng		1.245.455	1.480.729.114
18/12	PC318	18/12	Thuế GTGT mua vào		124.546	1.480.604.568
....						
			Cộng phát sinh	7.569.562.841	7.226.144.605	
			Số dư cuối năm			353.558.944

(Trích số liệu từ Sổ quỹ tiền mặt năm 2008)

Biểu số 2.12

Công ty TNHH An Cư

143 Quán Trữ - KA - HP

SỔ CÁI

S.hiệu TK: 111

Tên TK: Tiền mặt

Năm 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		10.140.708	
....						
20/6	PT36	20/6	DNTN Thành Long tạm ứng tiền	131TL	50.000.000	
23/6	PC88	23/6	Cước di động Viettel	642		420.791
23/6	PC88	23/6	Thuế GTGT mua vào	133		42.079
....						
18/12	PC317	18/12	Thanh toán cước di động Viettel	642		113.575
18/12	PC317	18/12	Thuế GTGT mua vào	133		11.358
18/12	PC318	18/12	Mua màng xộp gói hàng	152		1.245.455
18/12	PC318	18/12	Thuế GTGT mua vào	133		124.546
....						
			Cộng phát sinh		7.569.562.841	7.226.144.605
			Số dư cuối năm		353.558.944	

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH An Cư**2.2.2.1. Đặc điểm giá vốn hàng bán**

Do chủng loại sản phẩm phong phú nên công ty không tính giá vốn cho từng loại mặt hàng mà tính theo từng công trình. Ngay sau khi gia công sản phẩm hoàn thành công ty tiến hành xuất bán ngay không qua kho.

Khi giao hàng kế toán chỉ ghi nhận doanh thu mà không ghi nhận ngay giá vốn. Giá vốn hàng bán cho từng công trình sẽ được ghi nhận khi lắp đặt xong và tiến hành quyết toán

2.2.2.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

2.2.2.3 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán".
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

2.2.2.4 Quy trình hạch toán giá vốn .

Sau khi lắp đặt sản phẩm cho từng công trình được hoàn thành theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, kế toán tổng hợp giá vốn cho từng công trình và ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó ghi vào Sổ cái TK 632.

2.2.2.5 Ví dụ

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế (biểu số 2.1) và hóa đơn 08045 (Biểu số 2.3) kế toán tiến hành tổng hợp chi phí lắp đặt để tính giá thành cho từng công trình bằng việc lập phiếu kế toán số 62 (Biểu số 2.13), đồng thời kết chuyển sang giá vốn hàng bán (phiếu kế toán số 63) thời và sau đó ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.15)

Biểu số 2.13

Công ty TNHH An Cư

143 Quán Trữ - KA

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 62

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển CF c.tr DNTN KS Thành Long	154	621	41.035.000
		154	622	6.450.000
		154	627	1.382.763
	Tổng cộng			48.867.763

Ngày 30 tháng 11 năm 2008

NGƯỜI LẬP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 63

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán c.tr DNTN KS Thành Long	632	154	48.867.763
	Tổng cộng			48.867.763

Ngày 30 tháng 11 năm 2008

NGƯỜI LẬP

Biểu số 2.14

Công ty TNHH An Cư

143 Quán trừ - KA

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

NT ghi	Chứng từ		Diễn giải	TK chi tiết		TK tổng hợp		Số tiền phát sinh	
số	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....									
15/8	PKT55	15/8	KC giá vốn c.tr Công ty Thành Long Tân	632TLT	154TLT	632	154	136.552.322	136.552.322
22/8	PKT56	22/8	KC giá vốn hàng bán c.tr Cty Constrexim	632CTX	154CTX	632	154	76.662.345	76.662.345
30/8	PKT57	30/8	Kc giá vốn hàng bán c.tr Cty CP Hàng Kênh	632HK	154HK	632	154	11.838.518	11.838.518
31/9	PKT58	31/9	KC giá vốn hàng bán c.tr Cty Tùng Lâm	632TUL	154TUL	632	154	751.714.778	751.714.778
12/10	PKT59	12/10	KC giá vốn hàng bán c.tr Cty Đóng tàu 189	632189	154189	632	154	12.994.326	12.994.326
30/10	PKT60	30/10	KC giá vốn hàng bán c.tr KS Tân Hoàng Ngọc	632THN	154THN	632	154	95.625.744	95.625.744
15/11	PKT61	15/11	KC giá vốn hàng bán c.tr Làng DL Sài Gòn	632SG	154SG	632	154	193.762.525	193.762.525
30/11	PKT62	30/11	KC giá vốn hàng bán c.tr DN Thành Long	632TL	154TL	632	154	48.867.763	48.867.763
.....									
31/12	PKT79	31/12	Kết chuyển tài khoản 632	911	632	911	632	7.894.192.480	7.894.192.480
			Tổng cộng					82.308.519.699	82.308.519.699

(Trích số liệu từ sổ Nhật ký chung năm 2008)

Biểu số 2.15**SỔ CÁI**

Tài khoản: 632

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....						
15/8	PKT55	15/8	Kết chuyển giá vốn hàng bán c.tr Cty Thành Long Tân	154	136.552.322	
22/8	PKT56	22/8	Kết chuyển giá vốn hàng bán c.tr Cty Constrexim	154	76.662.345	
.....						
30/11	PKT62	30/11	Kết chuyển giá vốn hàng bán c.tr DN Thành Long	154	48.867.763	
31/12	PKT79	31/12	Kết chuyển TK 632	911		7.894.192.480
			Cộng phát sinh		7.894.192.480	7.894.192.480
			Số dư cuối kỳ			

(Trích số liệu từ Sổ cái TK 632 năm 2008)

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ...
- Bảng phân bổ tiền lương

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này bao gồm 2 tiểu khoản :

- + TK 6421: Chi phí bán hàng
- + TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày khi có nghiệp vụ liên quan đến chi phí quản lý kinh doanh, kế toán căn cứ vào chứng từ gốc để tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết chi phí, sau đó đối chiếu để ghi vào Sổ cái TK 642. Cuối năm kế toán tập hợp chi phí và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

2.2.3.4 Ví dụ :

- Căn cứ vào hóa đơn 3096197 (Biểu số 2.16) ngày 18 tháng 12 về việc thanh toán tiền điện thoại kế toán viết phiếu chi 317(biểu số 2.11)
- Căn cứ vào hóa đơn 8024 (Biểu số 2.18) ngày 27 tháng 12 về việc mua xăng phục vụ cho việc ký kết hợp đồng kế toán viết phiếu chi 323 (biểu số 2.19)

Kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.20) và Sổ chi tiết chi phí (Biểu số 2.21) đồng thời ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.22)

Biểu số 2.16

Mẫu số: 01-GTKT-2L-06

Theo CV số 8397/CT-AC

Ngày 08/0/2005 của Cục thuế

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)**TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)**

Liên 2: Giao khách hàng

Ký hiệu: **BH/2008T**

Quyển số: 61924

Số (No): **3096197**Đơn vị bán hàng: **Công ty Viễn thông Quân đội (Viettel Coporation)**

Địa chỉ: Số 1 – Giang Văn Minh – Ba Đình – HN

Điện thoại: 2 661800

Mã số thuế: 02 00109106

Fax: 2 660446

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH An Cư

Địa chỉ: Số 143 – Quán Trữ - Kiến An – HP

Mã số thuế: 02 00638181

Số thuê bao: 989 344 209

Mã khách hàng :...

Mã đại lý:.....

Hình thức thanh toán: TM

Thời gian tính cước: T 11/08

KHOẢN (ITEM)	Số Tiền(Amount) (VND)
Cước dịch vụ thông tin di động (Vietel mobile service charges):	
Cộng tiền (1) (Total):	113.575
Thuế suất GTGT: 10% x 1= Tiền thuế GTGT (2) (Value Add)	11.358
Tổng cộng tiền thanh toán (3)= (1) + (2)	124.933
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm hai tư ngàn chín trăm ba ba đồng.</i>	

Ngày 18 tháng 12 năm 2008

Người nộp tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện giao dịch

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao khách hàng Ngày 27 tháng 12 năm 2008	Mẫu số: 01GTKT- 3LL KY/2008B 0062197				
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Xe khách Thanh Long Địa chỉ: 44 Tô Hiệu – Lê Chân - HP Số tài khoản: Điện thoại: 0313778369 MS: 0200415756					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Trung Tên đơn vị: Công ty TNHH An Cư Địa chỉ : 143 Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng Số tài khoản: 10920217542.014 Hình thức thanh toán: Tiền mặt MS: 0200638181					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Xăng M92	lít	40	13.656,36	545.454
Cộng tiền hàng:					545.454
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					54.546
Tổng cộng tiền thanh toán:					620.000
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm hai mươi ngàn đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.17

Đơn vị: Công ty TNHH An Cư

Quyển số:

Bộ phận:

Số :317

Nợ TK 6422 : 113.575

PHIẾU CHI

Nợ TK 133 : 11.358

Ngày 18 tháng 12 năm 2008

Có TK 111: 124.933

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Linh

Địa chỉ: Công ty Viễn Thông Quân Đội

Lý do chi: Chi trả tiền điện thoại

Số tiền: 124.933 (Viết bằng chữ): Một trăm hai bốn nghìn chín trăm ba ba đồng .

Kèm theo :.....

Chứng từ kế toán:

Thủ trưởng đơn vị**Kế toán trưởng****Người lập****Thủ quỹ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19

Đơn vị: Công ty TNHH An Cư

Quyển số:

Bộ phận:

Số :323**PHIẾU CHI**

Nợ TK 6421: 545.454

Ngày 27 tháng 12 năm 2008

Nợ TK133 : 54.456

Có TK 111: 620.000

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Trung

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán xăng dầu

Số tiền: 620.000 (Viết bằng chữ): Sáu trăm hai mươi nghìn đồng .

Kèm theo :.....

Chứng từ kế toán:

Thủ trưởng đơn vị**Kế toán trưởng****Người lập****Thủ quỹ**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20

Công ty TNHH An Cư

143 Quán trũ - KA

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK chi tiết		TK tổng hợp		Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....									
12/12	PC310	12/12	Cước máy bàn EVN	6422	1111	642	111	51.725	51.725
12/12	HĐ1023278	12/12	Thuế đầu vào được khấu trừ	6422	1331	642	133	5.173	5.173
.....									
18/12	PC317	18/12	Thanh toán cước di động Viettel	6422	1111	642	111	113.575	113.575
18/12	HĐ3096197	18/12	Thuế đầu vào được khấu trừ	6422	1331	642	133	11.358	11.358
27/12	PC323	27/12	Thanh toán cước phí xăng dầu	6421	1111	642	111	545.454	545.454
27/12	HĐ62197	27/12	Thuế đầu vào được khấu trừ	6421	1331	642	133	54.546	54.546
30/12	SP150	30/12	Phí quản lý kho tháng 12/08	6421	1121TB	642	112	1.320.000	1.320.000
.....									
31/12	PKT80	31/12	KC chi phí tài khoản 6421	911	6421	911	642	154.799.202	154.799.202
31/12	PKT80	31/12	KC chi phí tài khoản 6422	911	6422	911	642	680.492.740	680.492.740
.....									
			Tổng cộng					82.308.519.699	82.308.519.699

(Trích số liệu từ sổ Nhật ký chung năm 2008)

Biểu số 2.21**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ**

Năm: 2008

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	Chia ra Tổng	642	635
	SH	NT				
.....						
3/12	SP138	3/12	Phí quản lý kho hàng	1.650.000	1.650.000	-
12/12	PC310	12/12	Cước máy bàn EVN	51.725	51.725	-
15/2	PC313	15/2	Mua ti vi JVC 21 inch	2.318.182	2.318.182	-
15/2	PC314	15/2	Cước di động mobiFone	876.355	876.355	-
18/12	PC316	18/12	Cước máy bàn VNPT	502.742	502.742	-
18/12	PC317	18/12	Thanh toán cước di động Viettel	113.575	113.575	-
27/12	PC323	27/12	Thanh toán cước phí xăng dầu	545.454	545.454	-
30/12	SP150	30/12	Phí quản lý kho hàng	1.320.000	1.320.000	-
.....						
			Tổng cộng	1.103.205.432	835.291.942	267.913.490

(Trích số liệu từ Sổ chi tiết chi phí năm 2008)

Biểu số 2.22

Cty TNHH An Cư

143Quán Trữ - KA

SỔ CÁI

S.hiệu TK: 642

Tên TK : Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
.....						
3/12	SP138	3/12	Phí quản lý kho hàng tháng 11/08	112	1.650.000	
12/12	PC310	12/12	Cước máy bàn EVN, hđ 1023278	111	51.725	
15/12	PC313	15/12	Mua ti vi JVC 21 inh, hđ 89836	111	2.318.182	
15/12	PC314	15/12	Cước di động mobiFone, hđ 144331/333	111	876.355	
18/12	PC316	18/12	Cước máy bàn VNPT, hđ592704/592506	111	502.742	
18/12	PC317	18/12	Cước di động Vietel, hđ3096197	111	113.575	
27/12	PC323	27/12	Thanh toán cước phí phí xăng dầu	111	545.454	
30/12	SP150	30/12	Phí quản lý kho hàng tháng 12/08	112	1.320.000	
30/12	bl12	30/12	Lương BP hành chính tháng 12	334	38.657.500	
30/12	PB242/12	30/12	PB công cụ dụng cụ vào cp quản lý th12/08	242	1.153.721	
30/12	PB214/12	30/12	PB khấu hao TSCĐ vào cp quản lý th12/08	214	12.418.213	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển tài khoản 6421	911		154.799.202
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển tài khoản 6422	911		680.492.740
			Cộng phát sinh		835.291.942	835.291.942

(Trích số liệu từ Sổ Cái TK 642 năm 2008)

2.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

Vì số vốn ban đầu có hạn công ty chỉ chú trọng vào việc sản xuất và xây dựng các công trình nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Công ty chỉ tranh thủ lúc vốn nhàn rỗi để gửi vào ngân hàng vì vậy phát sinh khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Ngoài ra, do mới thành lập công ty cần có vốn để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh nên đã vay vốn của các tổ chức tài chính. Vì vậy hoạt động tài chính trong năm chỉ phát sinh khoản thu tiền lãi, trả tiền lãi và các khoản phí chuyển khoản giao dịch.

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu chi, phiếu thu

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 635: Chi phí tài chính
 - + TK 6351: Trả lãi khế ước
 - + TK 6352: Phí chuyển khoản
- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có liên quan đến các khoản lãi ngân hàng được hưởng hay các khoản lãi tiền vay ngân hàng phải trả để ghi sổ Nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515 và sổ cái TK 635

2.2.4.5 Ví dụ

- Ngày 29 tháng 12 năm 2008 ngân hàng TechcomBank gửi Phiếu báo nợ (Biểu số 2.23) thông báo thu lãi tiền vay tháng 12.
- Ngày 30 tháng 12 năm 2008 ngân hàng Techcombank gửi Phiếu báo có (biểu số 2.24) thông báo công ty được hưởng 1 khoản lãi tiền gửi tại ngân hàng là 253.056 đồng. Số tiền lãi trên được chuyển vào số tiền gửi của công ty tại ngân hàng.

Kế toán căn cứ vào các chứng từ trên tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.25) và Sổ chi tiết chi phí (Biểu số 2.26) đồng thời căn cứ vào đó để ghi vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.27) và Sổ cái TK 515 (biểu số 2.28)

Biểu số 2.23

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Theo công văn số 21208/CT/AC

TECHCOMBANK TO HIEU

Cục thuế Hà Nội

MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK**PHIẾU BÁO NỢ***Ngày 29 tháng 12 năm 2008*

Kính gửi: CONG TY TNHH AN CU

Địa chỉ: 143 QUAN TRU KIEN AN HAI PHONG

Mã số thuế: 0200638181

Số tài khoản: 1092021754201.4

Số ID khách hàng: 20217542

Loại tiền: VND

Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN

Số khế ước : 02536

Số bút hạch toán: LD0824102536\HPG;0

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Thu nợ lại (LD-IN)	7,526,283.00
Tổng số tiền	7,526,283.00

Số tiền bằng chữ: ***Bảy triệu năm trăm hai sáu nghìn hai trăm tám mươi ba VND chẵn.***

Trích yếu : Thu nợ lại (LD-IN)

Kiểm soát

Kế toán trưởng

CHI NHÁNH TECHCOMBANK HP

PHÒNG GIAO DỊCH TỔ HIỆU

Biểu số 2.24

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THUẬT VIỆT NAM

Theo công văn số 21208/CT/AC

TECHCOMBANK TO HIỆU

Cục thuế Hà Nội

MST: 0100230800-004

TECHCOMBANK**PHIẾU BÁO CÁO***Ngày 30 tháng 12 năm 2008*

Kính gửi: CÔNG TY TNHH AN CÚ

Địa chỉ: 143 QUAN TRU KIEN AN HAI PHONG

Mã số thuế: 0200638181

Số tài khoản: 1092021754201.4

Số ID khách hàng: 20217542

Loại tiền: VND

Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút hạch toán: LD0824102536\HPG;0

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Lãi tiền gửi	253,056.00
Tổng số tiền	253,056.00

Số tiền bằng chữ: ***Hai trăm năm ba nghìn không trăm năm mươi sáu VND chẵn.***

Trích yếu : Lãi nhập gốc

Kiểm soát

Kế toán trưởng

CHI NHÁNH TECHCOMBANK HP

PHÒNG GIAO DỊCH TỔ HIỆU

Biểu số 2.25

Công ty TNHH An Cư

143 Quán trũ - KA

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK chi tiết		TK tổng hợp		Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....									
01/12	SP137	01/12	Trả lãi khế ước 2614	6351	1121TB	635	112	4.467.867	4.467.867
08/12	SP139	08/12	Trả lãi khế ước 2196	6351	1121TB	635	112	4.346.667	4.346.667
17/12	SP143	17/12	Phí chuyển khoản món 20tr	6352	1121TB	635	112	11.000	11.000
17/12	SP143	17/12	Trả lãi khế ước 2440	6351	1121TB	635	112	1.646.000	1.646.000
18/12	SP144	18/12	Phí chuyển khoản món 60tr	6352	1121TB	635	112	11.000	11.000
18/12	SP144	18/12	Trả lãi khế ước 2737	6351	1121TB	635	112	1.500.000	1.500.000
19/12	SP145	19/12	Trả lãi khế ước 2589	6351	1121TB	635	112	875.000	875.000
29/12	SP149	29/12	Trả lãi khế ước 2536	6351	1121TB	635	112	7.526.283	7.526.283
30/12	SP150	30/12	Nhập lãi tiền gửi 12/08	1121TB	515	112	515	253.056	253.056
31/12	PKT77	31/12	Kết chuyển TK 515	515	911	515	911	3.571.910	3.571.910
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6351	911	6351	911	635	264.426.935	264.426.935
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6352	911	6352	911	635	3.486.555	3.486.555
.....									
			Tổng cộng					82.308.519.699	82.308.519.699

(Trích số liệu từ sổ Nhật ký chung năm 2008)

Biểu số 2.26**SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ**

Năm: 2008

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Nội dung	Chia ra Tổng	642	635
	SH	NT				
.....						
01/12	SP137	01/12	Trả lãi khế ước 2614	4.467.867	-	4.467.867
08/12	SP139	08/12	Trả lãi khế ước 2494	904.167	-	904.167
08/12	SP139	08/12	Trả lãi khế ước 2196	4.346.667	-	4.346.667
17/12	SP143	17/12	Phí chuyển khoản món 20tr	11.000	-	11.000
17/12	SP143	17/12	Trả lãi khế ước 2440	1.646.000	-	1.646.000
18/12	SP144	18/12	Phí chuyển khoản món 60tr	11.000	-	11.000
18/12	SP144	18/12	Trả lãi khế ước 2737	1.500.000	-	1.500.000
19/12	SP145	19/12	Trả lãi khế ước 2589	875.000	-	875.000
29/12	SP149	29/12	Trả lãi khế ước 2536	7.526.283		7.526.283
.....						
			Tổng cộng	1.103.205.432	835.291.942	267.913.490

(Trích số liệu từ Sổ chi tiết chi phí năm 2008)

Biểu số 2.27**SỔ CÁI**

Tài khoản: 635

Tên TK: Chi phí tài chính

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
.....						
01/12	SP137	01/12	Trả lãi khế ước 02614	112	4.467.867	
08/12	SP139	08/12	Trả lãi khế ước 2494	112	904.167	
08/12	SP139	08/12	Trả lãi khế ước 2196	112	4.346.667	
17/12	SP143	17/12	Phí chuyển khoản	112	11.000	
17/12	SP143	17/12	Trả lãi khế ước 2440	112	1.646.000	
18/12	SP144	18/12	Trả lãi khế ước 2737	112	1.500.000	
19/12	SP145	19/12	Trả lãi khế ước 2589	112	875.000	
29/12	SP149	29/12	Trả lãi khế ước 2536	112	7.526.283	
.....						
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6351	911		264.426.935
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6352	911		3.486.555
			Cộng phát sinh		267.913.490	267.913.490
			Số dư cuối năm			

(Trích số liệu từ Sổ cái TK 635 năm 2008)

Biểu số 2.28**SỔ CÁI**

Tài khoản: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/01	SP012	31/01	Nhập lãi tiền gửi tháng 01/2008	112		724.582
28/02	SP024	28/02	Nhập lãi tiền gửi tháng 02/2008	112		754.641
31/03	SP036	31/03	Nhập lãi tiền gửi tháng 03/2008	112		178.425
29/04	SP051	29/04	Nhập lãi tiền gửi tháng 04/2008	112		493.662
31/05	SP063	31/05	Nhập lãi tiền gửi tháng 05/2008	112		101.358
.....						
30/12	SP150	30/12	Nhập lãi tiền gửi tháng 12/2008	112		253.056
31/12	PKT77	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính		3.571.910	
			Cộng phát sinh		3.571.910	3.571.910
			Số dư cuối kỳ			

(Trích số liệu từ Sổ cái TK 515 năm 2008)

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**2.2.5.1 Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ ...

2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

2.2.5.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ cái TK 711, TK 811

Trong năm Công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.2.5.4 Ví dụ

Căn cứ và hóa đơn GTGT số 8024 (Biểu số 2.29) ngày 25 tháng 2 về việc công ty thu khoản tiền chờ khách là 900.000 (bao gồm cả thuế GTGT). Kế toán viết phiếu thu (biểu số 2.30) và tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.31), căn cứ vào đó để ghi vào Sổ cái TK 711 (Biểu số 2.32)

Biểu số 2.30

Đơn vị: Công ty TNHH An Cư

Quyển số:

Bộ phận:

Số : 10

Nợ TK 111: 900.000

PHIẾU THU

Có TK 711: 857.140

Ngày 25 tháng 02 năm 2008

Có TK 3331: 42.860

Họ, tên người nộp tiền: Trần Minh Thanh

Địa chỉ: Công ty CP Vận tải Biển Việt Nam – XN Dịch vụ và đại lý Sơn

Lý do nộp: Thanh toán cước xe HP - BN

Số tiền: 900.000 (Viết bằng chữ): Chín trăm nghìn đồng.

Kèm theo :.....

Chứng từ kế toán:

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người lập

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.29

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu <i>Ngày 25 tháng 02 năm 2008</i>	Mẫu số: 01GTKT- 3LL KY/2008B 0062197				
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH An Cư Địa chỉ: 143 Quán Trữ - Kiến An – Hải Phòng Số tài khoản: 10920217542.014 Điện thoại: MS: 0200638181					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CN Công ty CP Vận tải Biển VN – XN Dịch vụ và đại lý Sơn Địa chỉ : Số 15 Cù Chính Lan – Hải phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt MS: 02 0010649 00091					
STT	Tên hàng hoá,dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước xe Hải phòng – Bắc Ninh	c	01	857.140	857.140
Cộng tiền hàng:					857.140
Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT:					42.860
Tổng cộng tiền thanh toán:					900.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín trăm nghìn đồng chẵn.</i> Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu số 2.31

Công ty TNHH An Cư
143 Quán trũ - KA

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK chi tiết		TK tổng hợp		Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....									
25/02	PT10	25/02	Vận chuyển hành khách HP - BN	1111	711	111	711	857.140	857.140
25/02	HĐ8024	25/02	Thuế GTGT bán ra	1111	33311	111	333	42.860	42.860
26/02	PT11	26/02	Vận chuyển hành khách	1111	711	111	711	1.904.762	1.904.762
26/02	HĐ8025	26/02	Thuế GTGT bán ra	1111	33311	111	333	95.238	95.238
.....									
21/4	PT23	21/4	Thu tiền xây gỗ	1111	711	111	711	3.500.000	3.500.000
21/4	HĐ8027	21/4	Thuế GTGT bán ra	1111	33311	111	333	350.000	350.000
.....									
25/11	SP133	25/11	BH thanh toán bồi thường xe INOVA	1121	711	112	711	2.957.850	2.957.850
.....									
13/12		13/12	Chênh lệch tiền - hàng Metro	331MT	711	331	711	3.443	3.443
.....									
31/12	PKT78	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	711	911	9.223.195	9.223.195
.....									
			Tổng cộng					82.308.519.699	82.308.519.699

(Trích số liệu từ sổ Nhật ký chung năm 2008)

Biểu số 2.32**SỔ CÁI**

Tài khoản: 711

Tên TK: Thu nhập khác

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
25/02	PT10	25/02	Vận chuyển hành khách HP – BN	111		857.140
26/02	PT11	26/02	Vận chuyển hành khách	111		1.904.762
21/04	PT23	21/04	Thu tiền sấy gỗ	111		3.500.000
25/11	SP133	25/11	BH thanh toán bồi thường xe Inova	112		2.957.850
13/12		13/12	Chênh lệch tiền hàng Mê tro	331		3.443
31/12	PKT78	31/12	Kết chuyển thu nhập khác		9.223.195	
			Cộng phát sinh		9.223.195	9.223.195
			Số dư cuối kỳ			

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. Cuối năm, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có TK 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí tài chính sang bên Nợ TK 911.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421:

Nợ TK 421

Có TK 911

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì chứng tỏ trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

- Xác định thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên Nợ TK 911

- Thuế TNDN phải nộp = thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Kế toán xác định số lợi nhuận chưa phân phối của doanh nghiệp là khoản lợi nhuận trước thuế để kết chuyển sang bên Có TK 421

Nợ TK 911

Có TK 421

Ví dụ:

Cuối tháng 12 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

+ KC doanh thu thuần:	9.481.538.741
+ KC thu nhập khác :	9.223.195
+ KC doanh thu hoạt động tài chính:	<u>3.571.910</u>
Tổng:	9.494.333.846

- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

+ KC giá vốn hàng bán:	7.894.192.480
+ KC chi phí tài chính:	267.913.490
+ KC chi phí quản lý kinh doanh:	835.291.942
Tổng:	8.997.397.912

- Thu nhập chịu thuế = 9.494.333.846 - 8.997.397.912 = 456.935.934

- Thuế TNDN phải nộp = 456.935.934 x 28% = 139.142.061

Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và chi phí để làm căn cứ ghi sổ

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 76

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 511	511	911	9.481.538.741
	Tổng cộng			9.481.538.741

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 77

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 515	515	911	3.571.910
	Tổng cộng			9.481.538.741

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 78

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 711	711	911	9.223.195
	Tổng cộng			9.223.195

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 79

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 632	911	632	7.894.192.480
	Tổng cộng			7.894.192.480

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 80

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển 6421	911	642	154.799.202
2	Kết chuyển TK 6422	911	642	680.492.740
	Tổng cộng			835.291.942

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 81

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK6351	911	635	264.426.935
1	Kết chuyển TK6352	911	635	3.486.555
	Tổng cộng			267.913.490

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP**PHIẾU KẾ TOÁN**

Số : 82

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 421	911	421	456.935.934
	Tổng cộng			456.935.934

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

Biểu số 2.33

Công ty TNHH An Cư

143 Quán trừ - KA

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK chi tiết		TK tổng hợp		Số tiền phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
.....									
31/12	PKT76	31/12	Kết chuyển TK 511	511	911	511	9111	9.481.538.741	9.481.538.741
31/12	PKT77	31/12	Kết chuyển TK 515	515	911	515	911	3.571.910	3.571.910
31/12	PKT78	31/12	Kết chuyển TK 711	711	911	711	911	9.223.195	9.223.195
31/12	PKT79	31/12	Kết chuyển TK 632	911	632	911	632	7.894.192.480	7.894.192.480
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6421	911	6421	911	642	154.799.202	154.799.202
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6422	911	6422	911	642	680.492.740	680.492.740
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6351	911	6351	911	635	264.426.935	264.426.935
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6352	911	6352	911	635	3.486.555	3.486.555
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển TK 421	911	4212	911	421	456.935.934	456.935.934
			Tổng cộng					82.308.519.699	82.308.519.699

(Trích số liệu từ sổ Nhật ký chung năm 2008)

Biểu số 2.34**SỔ CÁI**

Tài khoản: 911

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT76	31/12	Kết chuyển TK 511	511		9.481.538.741
31/12	PKT77	31/12	Kết chuyển TK 515	515		3.571.910
31/12	PKT78	31/12	Kết chuyển TK 711	711		9.223.195
31/12	PKT79	31/12	Kết chuyển TK 632	632	7.894.192.480	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6421	642	154.799.202	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6422	642	680.492.740	
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6351	635	264.426.935	
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6352	635	3.486.555	
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển TK 421	421	456.935.934	
			Cộng phát sinh		9.494.333.846	9.494.333.846
			Số dư cuối kỳ			

Biểu số 2.35**SỔ CÁI**

Tài khoản: 421

Tên TK: Lãi chưa phân phối

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			266.512.862
31/12	PKT82	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911		456.935.934
			Cộng phát sinh			456.935.934
			Số dư cuối kỳ			723.448.796

CHƯƠNG III**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT
QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH AN CƯ****3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư****3.1.1 Ưu điểm****❖ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Với việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện đơn giản đồng thời vẫn đảm bảo được tính chính xác, đặc biệt với hình thức này sẽ thuận tiện cho việc áp dụng kế toán bằng máy vi tính.

❖ Về việc vận dụng hệ thống tài khoản

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở công ty phù hợp với hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán

Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên quan. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm

❖ Về hệ thống chứng từ

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ bảo quản cẩn thận theo quy định

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2 Hạn chế**❖ Về tổ chức bộ máy kế toán**

Do bộ máy kế toán quá gọn nhẹ trong khi đó khối lượng công việc lại nhiều, trong khi đó công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán nên có thể ảnh hưởng đến

tính chính xác, kịp thời số liệu cho người quản lý. Trình độ kế toán vẫn còn non kém, khả năng cập nhật các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành vẫn chưa kịp thời.

❖ ***Về hệ thống sổ sách kế toán***

Có một số mẫu sổ kế toán công ty tự lập, không theo mẫu quy định của Bộ tài chính như:

- Sổ chi tiết bán hàng kế toán theo dõi theo nghiệp vụ phát sinh nên rất khó tổng hợp doanh thu của từng công trình là bao nhiêu và Sổ chi tiết bán hàng kế toán cũng không chi tiết theo đối tượng giảm doanh thu.

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng kế toán không lập cột số dư sau mỗi lần nghiệp vụ phát sinh là bao nhiêu. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc theo dõi số tiền còn phải thu của khách hàng khi nhà quản lý yêu cầu. Bên cạnh đó kế toán cũng không lập bảng tổng hợp doanh thu bán hàng.

- Sổ chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh kế toán không lập chi tiết theo từng khoản phát sinh nên rất khó theo dõi cụ thể như chi phí quản lý doanh nghiệp thì rất khó biết ngay được chi phí nhân viên là bao nhiêu? Chi phí khấu hao TSCĐ là bao nhiêu?....

❖ ***Về việc vận dụng hệ thống tài khoản***

Là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên công ty áp dụng kế toán theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC nhưng kế toán không sử dụng tài khoản chi phí thuê thu nhập DN (TK 821) dẫn đến lợi nhuận của công ty sẽ tăng lên ảnh hưởng đến công tác phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp năm nay so với năm trước.

- Theo quy định của Bộ tài chính thì tên TK 421 là “Lợi nhuận chưa phân phối” nhưng công ty sử dụng tên TK 421 là : Lãi chưa phân phối

❖ ***Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán***

Về luân chuyển chứng từ: Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các nhân viên kế toán và thủ kho về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về công tác bán hàng: khi kết thúc hợp đồng kinh tế tức là công trình đã hoàn thành, Công ty thực hiện quyết toán công trình gặp nhiều khó khăn trong việc thanh toán công nợ với khách hàng do chưa có chính sách và điều kiện cụ thể trong hợp đồng kinh tế.

- Về việc hạch toán chi phí: kế toán công ty hạch toán một số khoản chi chi phí đặc biệt là chi khác bằng tiền mặt không rõ ràng sẽ gây ra khó khăn cho quá trình quản lý và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

Khi doanh nghiệp mua tài sản với giá trị lớn nhưng lại không phân bổ đều hàng tháng mà lại tính luôn vào chi phí, việc làm này sẽ làm chi phí tăng cao, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả kinh doanh .

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH An Cư.**3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình.. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế...một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác bán hàng vì :

- Công tác này sẽ giúp cho khối lượng kế toán được giảm nhẹ, cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý.
- Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý.

3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra và thông qua những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư như sau:

3.2.2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ sách tại Công ty TNHH An Cư

- Kế toán công ty nên sử dụng mẫu sổ chi tiết phải thu của khách hàng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành bằng việc thêm cột số dư để thuận tiện cho việc theo dõi tình hình thanh toán, số còn phải thu của từng khách hàng tính đến từng thời điểm là bao nhiêu (Biểu số 3.1)
- Cần thay đổi sổ chi tiết bán hàng bằng việc thêm cột các khoản tính trừ làm giảm doanh thu bán hàng và theo dõi doanh thu theo từng công trình (Biểu số 3.3). Kế toán Công ty cũng nên lập Bảng tổng hợp doanh thu để thuận tiện cho việc theo dõi, đối chiếu và xác định kết quả kinh doanh của Công ty (Biểu số 3.5)
- Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng mẫu của Bộ tài chính đã ban hành (Biểu số 3.7) như :

+ Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo dõi cho từng khoản chi phí để thuận tiện cho việc theo dõi các khoản chi phí phát sinh là những khoản nào? Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra các biện pháp cắt giảm chi phí

sao cho hiệu quả và hợp lý nhất, góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Cụ thể :

a. Chi phí bán hàng – TK 6421 sẽ chia ra thành các tiểu khoản

- TK 64211 : Chi phí quản lý kho hàng.
- TK 64212: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 64213: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 64214: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 64215: Chi phí bảo hành
- TK 64217: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64218: Các chi phí khác bằng tiền

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp – TK 6422 sẽ chia ra thành các tiểu khoản:

- TK 64221 : Chi phí nhân viên quản lý
- TK 64222 : Chi phí vật liệu quản lý
- TK 64223 : Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 64224 : Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 64225 : Thuế, phí và lệ phí
- TK 64227: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 64228 : Chi phí khác bằng tiền

Biểu số 3.1**Mẫu số S35 – DN**

(Ban hành theo QĐsố 48/2006/QĐ - BTC)

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản :

Tên TK :

Đối tượng:

Năm 2008

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Cộng phát sinh trong kỳ					
			Số dư cuối kỳ					

Ví dụ 1: Căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 19 (Biểu số 2.1) về việc ký kết hợp đồng kinh tế với DNTN Khách sạn Thành Long, kế toán tiến hành lập sổ chi tiết thanh toán (biểu số 3.2) và sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.4)

Biểu số 3.2

Công ty TNHH An CU'
143Quán Trữ - KA - HP

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên TK: Phải thu khách hàng

Đối tượng: Doanh Nghiệp Tư nhân Khách Sạn Thành Long

Năm 2008

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn Chiết khấu	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	1	2	3	4
			Số dư đầu năm					-	
20/6	PT36	20/6	Thu tiền ứng trước		111		50.000.000		50.000.000
3/11	08045	3/11	Giao cửa cho KS Thành Long		511	62.240.000		12.240.000	
			Thuế GTGT đầu ra		3331	6.224.000		18.464.000	
			Cộng phát sinh			68.464.000	50.000.000		
			Số dư cuối năm					18.464.000	

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo QĐsố 48/2006/QĐ - BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

Tên công trình:

Năm:

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác(521 531, 532)
							Nợ	Có		
			- Cộng phát sinh							
			- Doanh thu thuần							
			- Giá vốn hàng bán							
			- Lãi gộp							

Biểu số 3.4

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên công trình: DNTN Khách sạn Thành Long
Năm: 2008

Ngày , tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu				Các khoản tính trừ	
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	TK521, 531,532
							Nợ	Có		
3/11	HĐ08045	3/11	Khuôn cửa lắp ghép 110 x 50	md	128	165.000		2.120.000		
3/11	HĐ08045	3/11	Cánh cửa pano chớp KT 1,96 x 0,665 x 27 bộ	M2	35,2	950.000		3.344.000		
3/11	HĐ08045	3/11	Khuôn bao 2 mặt 14x 50	md	256	30.000		768.000		
31/12		31/12	Kết chuyển doanh thu				62.240.000			
			Cộng phát sinh				62.240.000	62.240.000		
			Doanh thu thuần							
			Giá vốn hàng bán							
			Lãi gộp							

Biểu số 3.5

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Năm 2008

STT	Tên công trình	Đơn vị tính	Số tiền
	Tổng cộng		

Ví dụ: Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết cả năm cho các công trình(Biểu số 3.6)

Biểu số 3.6

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG

Năm 2008

STT	Tên công trình	Đơn vị tính	Số tiền
1	DNTN Khách Sạn Thành Long		62.240.000
2	Công ty Cổ phần Hàng Kênh		15.289.763
...			
	Tổng cộng		9.481.538.741

Biểu số 3.7

Công ty TNHH An Cư
143 Quán Trữ - KA - HP

Mẫu số S36 -DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/ QĐ - BTC)
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,632,641,642...)

Tài khoản :.....

Tên phân xưởng:.....

Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày ,tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản....				
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra			
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
			- Cộng phát sinh trong kỳ						
			- Ghi có TK...						
			- Số dư cuối kỳ						

Ví dụ 2 :

- Căn cứ vào hóa đơn 062197 (Biểu số 2.17) về việc mua xăng, kế toán căn cứ vào đó ghi vào sổ chi tiết chi phí(Biểu số 3.8) và các sổ kế toán có liên quan.

- Căn cứ vào hóa đơn số 3096197 (Biểu số 2.15) về việc thanh toán cước di động, kế toán căn cứ vào đó ghi vào sổ chi tiết chi phí (Biểu số 3.9)

Công ty TNHH An Cư
143Quán Trữ - KA - HP

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6421

Tên TK : Chi phí bán hàng

Năm 2008

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra	
	SH	NT			Nợ	Có	64211	64217
.....								
3/12	SP138	3/12	Phí quản lý kho hàng	112	1.650.000		1.650.000	
15/12	PC310	15/12	Thanh toán cước phí xăng dầu T11	111	965.000			965.000
27/12	PC323	27/12	Thanh toán cước phí xăng dầu	111	545.454			545.454
			Cộng phát sinh		154.799.202		35.980.600	118.818.602

Biểu số 3.9

Công ty TNHH An Cư

143 - Quán Trữ - KA - HP

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422

Tên TK : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2008

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	SH	NT			Nợ	Có	64221	64222	64223	64224	64227
.....											
12/12	PC310	12/12	Cước máy bàn EVN	111	51.725						51.725
15/2	PC313	15/2	Mua ti vi JVC 21 inch	111	2.318.182				2.318.182		
15/2	PC314	15/2	Cước di động mobiFone	111	876.355						876.355
18/12	PC316	18/12	Cước máy bàn VNPT	111	502.742						502.742
18/12	PC317	18/12	Thanh toán cước di động Viettel	111	113.575						113.575
30/12	BL12	30/12	Lương bộ phận hành chính tháng 12	334	38.657.500		38.657.500				
30/12	PB242/12	30/12	PB công cụ dụng cụ vào chi phí	242	1.153.721				1.153.721		
30/12	PB 214/12	30/12	PB khấu hao TSCĐ vào chi phí	214	12.418.213					12.418.213	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6422	911		680.492.740					
			Cộng phát sinh		680.492.740	680.492.740	466.431.018	1.568.985	15.968.182	186.125.640	10.398.918

3.2.2.2 Hoàn thiện về hạch toán thuế TNDN và lợi nhuận chưa phân phối.**➤ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Kế toán sử dụng tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập hoãn lại để kết chuyển thuế TNDN.

Kết cấu TK :

Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm)
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 – “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại ” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có TK 911.

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911

Cụ thể như sau:

- Thu nhập chịu thuế = $9.494.333.846 - 8.997.397.912 = 456.935.934$
- Kế toán tính ra thuế TNDN phải nộp và viết phiếu kế toán số 82

Thuế TNDN phải nộp = $456.935.934 \times 28\% = 139.142.061$

Kế toán định khoản : Nợ TK 821 : 139.142.061

Có TK 3334: 139.142.061

Sau đó kế toán kết chuyển TK 821 sang TK 911 và viết phiếu kế toán số 83 làm căn cứ ghi sổ:

Nợ TK 911 : 139.142.061

Có TK 821 : 139.142.061

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 83

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 821	911	821	139.142.061
	Tổng cộng			139.142.061

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

- Kế toán kết chuyển lãi sang TK 421 và đồng thời viết phiếu kế toán số 83 làm căn cứ ghi sổ :

Nợ TK 911 : 317.793.873

Có TK 421 : 317.793.873

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 84

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển TK 421	911	421	317.793.872
	Tổng cộng			317.793.872

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

NGƯỜI LẬP

- Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 911, Sổ cái TK 821, Sổ cái TK 421:

SỔ CÁI

Tài khoản: 911

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Năm: 2008

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT76	31/12	Kết chuyển TK 511	511		9.481.538.741
31/12	PKT77	31/12	Kết chuyển TK 515	515		3.571.910
31/12	PKT78	31/12	Kết chuyển TK 711	711		9.223.195
31/12	PKT79	31/12	Kết chuyển TK 632	632	7.894.192.480	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6421	642	154.799.202	
31/12	PKT80	31/12	Kết chuyển TK 6422	642	680.492.740	
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6351	635	264.426.935	
31/12	PKT81	31/12	Kết chuyển TK 6352	635	3.486.555	
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển TK 821	821	139.142.061	
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển TK 421	421	456.935.934	
			Cộng phát sinh		9.494.333.846	9.494.333.846
			Số dư cuối kỳ			

SỔ CÁI

Tài khoản: 821

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm: 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	PKT82	31/12	Tính ra thuế TNDN phải nộp	3334	139.142.061	
31/12	PKT83	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		139.142.061
			Cộng phát sinh		139.142.061	139.142.061
			Số dư cuối kỳ			

SỔ CÁI

Tài khoản: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm: 2008

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			266.512.862
31/12	PKT84	31/12	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối	911		317.793.873
			Cộng phát sinh			317.793.873
			Số dư cuối kỳ			584.306.875

3.2.2.4 Một số giải pháp khác

- Kế toán trưởng kiêm quá nhiều công việc nên giảm bớt gánh nặng cho kế toán trưởng. Ban lãnh đạo công ty có thể tuyển thêm nhân viên kế toán giỏi nghiệp vụ để gánh vác một phần trách nhiệm với kế toán trưởng. Kế toán mới có thể đảm vai trò kế toán tổng hợp, kiểm tra đối chiếu số liệu, thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ, lập các Báo cáo tài chính và nộp lên cơ quan Nhà nước theo đúng thời gian quy định.
- Công ty nên bồi dưỡng cho kế toán về trình độ chuyên môn cũng như nghiệp vụ kế toán để công việc hạch toán kế toán chính xác và đầy đủ hơn.
- Với sự phát triển của công nghệ thông tin, công ty cố gắng trang bị phần mềm kế toán để nâng cao chất lượng công việc. Hiệu quả và chất lượng công việc do sự hỗ trợ của phần mềm kế toán là rất lớn, điều này chắc chắn lãnh đạo công ty cũng nhận thức rõ. Trong thời gian tới hy vọng với sự phát triển của mình công ty sẽ khắc phục được khó khăn, ứng dụng phần mềm cho công tác kế toán.
- Công ty bán hàng theo hợp đồng kinh tế, khi quyết toán công trình khách hàng thường chậm thanh toán dẫn đến tình trạng chiếm dụng vốn. Vì vậy Công ty nên đưa ra chính sách hợp lý như: nếu thanh toán chậm thì phải tính lãi suất hoặc nếu thanh toán sớm thì khách hàng sẽ được hưởng chiết khấu thanh toán.

KẾT LUẬN

Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán đóng vai trò quan trọng hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Do vậy để phát huy được vai trò đó kế toán phải thực hiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sao cho hiệu quả nhất.

Qua thời gian nghiên cứu đề tài, em đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư em đã rút ra được những vấn đề sau :

- Về lý luận: Thấy rõ được vai trò quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: chỉ ra được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH An Cư, từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện vấn đề sao cho phù hợp với thực tế Công ty và tình hình chung của đất nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay và đảm bảo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các anh, chị, các cô chú trong phòng tài chính kế toán cũng như các phòng ban khác đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo Th.s Nguyễn Thị Mai Linh đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này và em cũng gửi biết ơn ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh đã tận tình dạy dỗ, chỉ bảo chúng em trong suốt quá trình học tập.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 6 năm 2009

Sinh viên

Trần Thị Hiền

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp

(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam

3. Các chứng từ, sổ sách, mẫu sổ kế toán năm 2008 tại Công ty TNHH An Cư

4. Kế toán doanh nghiệp – *Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*5. Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh – *Chủ biên PGS.TS Phạm Văn Kế*6. Chuẩn mực kế toán Việt Nam – websise :[www. google.com](http://www.google.com)

websise. Ketoanvietnam.com

7. Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam

PGS.TS. Đào Văn Tài

TS. Võ Văn Nhị

Trần Anh Hoa